

NĂM THỨ SÁU / SỐ 137-138 / ĐUỐC-TUỆ / 1^{er}-15 Août 1940

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

—>>>—
ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quê
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút. Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bà-g ở
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tả-Ca

GIA BAO : Cả năm 1\$50 / Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Công đức làm chùa



Kìa, ông xem con kiến kia phải đọa làm kiếp, kiến đã chín mươi kiếp, trở lại đây. Ông thì sắp được lên trời mà nó vẫn là kiến nhân quả rõ ràng, có đáng sợ không ?

Xem bài Đuốc-Tuệ 135

Định chính những sự tin tưởng sai lầm với chính-pháp của Phật

Trong kinh Pháp-hoa nói rằng : « Phật vì một sự nhân duyên lớn mà phải ra đời » Sự nhân duyên lớn ấy là sự gì ? Tức là sự sinh-tử của chúng-sinh vậy.

Chúng sinh ở trong sáu đường, muốn hình ngàn trạng, từ lúc thác-sinh, cho đến phút thở cuối cùng, trải bao phen tử sinh kinh-cụ, trải bao phen bấp bề nung-dầu, biến hóa vô cùng, nổi chìm lắm nổi, kẻ khôn xiết được, nhưng rút lại thì cũng không ngoài hai chữ sinh-tử. Chúng sinh điên đảo, nhọc nhằn, lo sợ, cũng vì cái cầu sinh tử ấy cả, ôi ! cái cầu sinh tử, thực là to lớn lắm thay ! Chúng sinh lao tâm khổ tứ, cùng kiệt trí não, toan giải thoát cái cầu sinh tử ấy, mà càng ngày lại càng thấy lặng thêm những sự sinh tử hãi hùng rùng rợn, tởm mắt ghê hồn, không còn biết gỡ làm sao được nữa, mà đến nỗi bó tay thở giải than rằng :

Cũng liều nhắm mắt đưa chân,

Mà xem con tạo xoay vần đến đâu.

Khoanh tay bó gối, chịu khuất phục dưới móng tay sắt của con ma sinh tử mà nhắm mắt đưa chân không biết hối tỉnh, là kẻ mê mất chân tính, càng ngày, càng đọa xấu, thực cũng đáng thương lắm thay ! Vì thế cho nên Phật phải thực hành cái đức đại-từ đại-bi, ứng hiện xuống đời mà giải thoát cái cầu sinh tử ấy cho chúng sinh.

Phép giải thoát ấy như thế nào ? = Nói về phần căn bản, thì phải xét cho cùng đến chỗ bởi đâu mà sinh ; Cái thân sinh này nó là thực hay là giả ; Phải soi tỏ ngũ uẩn đều không, chứng được cái chân như

thực tướng, mới là rất ráo. Cái lý thuyết ấy rất là tinh-vi uyên áo, không phải là vấn đề nói trong mười lăm lời giấu mà hết được, vả lại nó cũng xa với cái đầu đề tôi định nói đây, cho nên tôi xin tạm gác cái vấn đề ấy mà nói thẳng đến mặt chính trong đầu đề này :

Cứ xét các lẽ Phật đã nói ở trong bọ tạng thì chúng sinh đều do cái nhân kiếp trước mà phải sinh ra cái thân này, để mà kết cái quả trước Kiếp trước làm lành, kiếp này được hưởng phúc tốt; kiếp trước làm ác, kiếp này phải chịu tai vạ xấu, thế gọi là sự quả-báo, tức là cái luật nhân-quả nhất định không sai vậy.

Nay ta đã trót phải chịu cái thân này rồi, thì ta phải làm thế nào? May nhờ kiếp trước khéo tu, kiếp này được hưởng phúc lành, thì phải biết rõ rằng ta được hưởng phúc thế này, là nhờ kiếp trước ta có công tu, vậy thì ta càng phải tu lịch thêm mãi lên, cho cái quả phúc càng ngày càng tốt đẹp; mà không may kiếp trước vụng tu, làm nhiều ác nghiệp nên kiếp này phải chịu quả báo xấu xa thì ta phải hết sức phấn-đấu, quyết chí tu hành, để trả hết nợ trước mà tự gây lấy cái quả phúc sau này.

Kiếp xưa đã vụng đường tu,

Kiếp này ta phải đến bù mới xong.

Thế là người tỉnh, là người biết rõ cái lẽ nhân quả, là người tự lập được thân, tự chủ được thân, là người đã hiểu rõ cái nghĩa.

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Thôi đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Có trời mà lại có ta,

Tu là cõi phúc tình là giây oan.

Tu tức là sửa trị, biết cái tâm nghĩ xằng, cái thân làm xằng, cái miệng nói xằng nó là nghiệp ác,

thì phải sửa chệ thân miệng ý cho đều thanh sạch ;
 Tỉnh tức là tỉnh ái, tỉnh dục, ái-dục là cái cội rễ sự
 sinh tử, nó là cái giây oan nghiệp, chới chặt chúng
 sinh ở trong vòng sinh tử, nên phải đoạn trừ nó đi.

Biết rõ cái nghĩa nhân-quả hay gọi là nghiệp báo đó,
 tức là biết được cái chỗ cốt yếu trong cầu sinh tử
 và biết rõ cái phép giải thoát rồi, còn như có giải
 thoát được hay không, thì lại cốt ở chỗ thực hành
 chân chính.

Đạo Phật chú-trọng về chỗ cứu - kinh, nghĩa là phải
 lấy trí tuệ mà quan sát, tìm cho đến chỗ chân lý mà
 theo, chứ không phải là đạo theo mù. Cho nên đối
 với cái cầu sinh, thì Ngài dạy cho ta biết các phép
 tu, về thế-gian thì phải hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa
 liêm, sĩ, đễ duy trì lấy cái lòng chính đĩnh mà trọn
 đạo làm người, cũng như luân-lý đạo đức của nhà
 Nho, mà theo đạo Phật thì lại có phần yếu ước hơn,
 vì chỉ thụ tam-quy (1), giữ ngũ-giới, tức là tu được
 cái tư-cách con người hoàn toàn rồi. Về xuất-thế-gian
 thì có những phép tu tứ-đế, thập nhị nhơn-duyên,
 lục-độ, vạn hạnh, để phá tan cái màn vô-minh, chứng
 chỗ chân-như tự tại mà kết quả thành la-hán. thành
 duyên-giác thành bồ-lát cho chí thành Phật nữa.

Trở lên là nói về phần tinh thần, còn phần vật
 chất, thì Phật bảo người ta phải làm những nghề chân
 chính mà kiếm ăn bằng cách chân chính không được
 kiếm ăn bằng cách trái đạo như những nghề giả dối.
 quý trá làm mẹ hoặc người ta ; Phật lại bảo người ta
 phải chú trọng về năm môn học gọi là ngũ minh.
 1 Công sảo-minh, tức là phải chế tạo khéo léo, để cung
 cấp các đồ dùng cho đời ; 2 Y phương minh, tức là
 phải học thuốc cho giỏi, học phép khản-hộ cho tinh,
 để cứu chữa người ốm đau ; 3 Thanh-minh, tức là
 môn học về danh từ văn học, để giúp về phần làm sách

viết văn đề truyền bá các sự ích lợi cho thế-gian ; 4 Nhân minh, tức là môn học luận lý, có học môn này mới hiểu rõ vật-lý, không bị cái hại theo mù làm bậy; 5 Nội-minh, tức là môn học cho mình-làm kiến-tĩnh, nhắc cho người ta qua vòng luân-hồi mà đến cõi chính-giác. Trong kinh Pháp hoa lại cho hết thầy các sự giúp ích cho sự sinh-lần của người ta đều là Phật pháp cả. Trong luật thì Phật ấn định cho các hàng đệ-tử xuất gia phải đi xin mà ăn, không được làm gì cả, mà chỉ chuyên về một giảng cầu đạo lý để tùy cơ hóa độ cho người. Cứ xem đến chỗ cốt yếu của Phật thì đối với thế gian Phật quyết định hẳn làm hai phái. Một là phái tại-gia, thì chỉ thụ tam-quy giữ ngũ giới làm cái căn bản tu-thân tề-gia; Phải hết sức kinh doanh các sự sinh hoạt để tự nuôi mình và tự giúp cho những người túng thiếu, mà phải làm những sự công bằng chính chực; Hai là phái xuất-thế gian, thì phải tu đủ muôn hạnh, vượt hẳn ra ngoài thường tình, không cần phải làm lụng gì cả, không có dính líu gì cả, để có đủ lực lượng mà nghiên cứu những nghĩa lý cao sâu. để gánh vác những công việc công ích. Ngoài hai phái ấy ra, lại có một phái cao quý hơn cả, tức là phái « thế xuất thế gian », nghĩa là vẫn ở trong trần lụy, mà không nhiễm trần, chỉ lo những việc cứu vớt cho đời, dù hao tài hại sức, cho chi thiệt đến tính mạng cũng vẫn vui vẻ mà làm, bậc ấy tức là bậc mà trong kinh gọi là bậc đại-bồ-tát vậy. Cứ xét như những thuyết tôi đã kể trên, thì đạo Phật đối với cái cầu sinh của người ta, thực là giải thoát được một cách rất thiết yếu rất đích đáng, không có gì là hư huyền cả, thế mà thế gian lại có nhiều người dám phê bình đạo Phật là đạo chán đời là đạo ăn hại đời, thực là cái kiến giải ngồi ở dưới đáy giếng mà xem trời vậy.

Còn đối với cái cầu tử, thì đạo Phật lại giải thoát bằng một cách rất thực-tiết, đạo Phật nhận rõ cái tử là không. Vì đạo Phật đã hiểu rõ rằng cái thân người ta là bởi bốn phần: đất, nước, gió, lửa, gọi là tứ-đại và năm phần: sắc, thụ tướng, hành, thức gọi là ngũ-uẩn đó giả-hợp mà thành. Ngũ-uẩn tứ-đại hội hợp gọi là sống (sinh) ngũ-uẩn tứ-đại tan rã, gọi là chết (tử). Bỏ cái thân này, thân thức lại theo cái nghiệp đã gây nên đời sang thân khác, nghiệp tốt được làm người, nghiệp xấu phải đọa xuống địa-ngục ngựa-quỷ, súc sinh. Làm người tuy cũng có nhiều sự sướng, nhưng vẫn còn là cái nghiệp chưa thực hoàn toàn là tốt, nên còn phải luân hồi, chỉ có cái nghiệp thanh tịnh giải thoát tức là cái nghiệp tu theo lục-độ vạn-hạnh, siêu phàm nhập thánh, vào cõi bất-sinh bất diệt, đó mới là giải thoát hết sinh tử. Chúng sinh mê hoặc, thấy cái xác thịt cựa cựa được thì gọi là sống, không cựa cựa được thì gọi là chết, lại cho chết là hết, không có quả-báo gì cả. Vì cái mê-chấp cho chết là hết ấy, cho nên chỉ thấy những sự trước mắt, hễ cái gì mà lợi cho mình thì cứ việc nhắm mắt làm liều, cầu cho đạt cái lòng ham muốn sẵn của mình thôi, không còn có nghĩ chi nữa, vì thế mà phải luân hồi trong ba đường ác mãi. Phật trông thấy rõ cái cõi dễ khổ của chúng sinh là ở chỗ ấy, cho nên Ngài phải thuyết rõ cái lẽ nhân quả luân hồi, cho người đời biết lo biết sợ, biết rõ chỗ còn chỗ mất, chỗ sống chỗ chết mà lo tự cứu lấy mình. Những phương pháp Phật đã dạy ra đều là những phép chân chính, đều là những phương thuốc đối-chứng lập-phương khởi-tử hồi-sinh cả, chỉ vì người đời phần nhiều không biết tự-lượng, không chịu nghiên-cứu cho đến chốn đến nơi, trông thấy một

vài tin-dờ Phật làm sai đạo Phật không đáng đại biểu cho Phật-pháp mà đã với phê bình đạo Phật là mê-tia mà không theo, có người thì cũng có lòng tin chịu, nhưng lại vì cái tính lười biếng, cầu thả, không chịu suy xét, ai bảo làm sao, bảo hao làm vậy, thành ra bài thuốc cứu đời, trở nên hại đời, giáo pháp chân chính, trở nên mê muội, thực là một sự đáng tiếc vô cùng. Nay tôi xin đem những chỗ tin tưởng mê lầm của thế gian nêu cả ra đây và y theo kinh Phật đính chính lại những chỗ lầm ấy lại, chia làm hai mặt **Tà Chánh** như sau này :

T A

Đạo-ngược luân-hồi là một cái thuyết tự ý của các ông Giáo-chủ tự đặt ra để dọa người.

CHÂN H

Đạo-ngược chính là do cái nghiệp của mình tự làm tự rước lấy, là do cái công-dụng cảm-chiếu của tâm-lý cấu-tạo mà nên, là một cái cảnh có thực. Luân-hồi tức là theo đúng cái luật nhân-quả. Trong sáu đường trởng nhân đường nào thì kết-quả ở đường ấy, nổi chìm lên xuống, hoàn-toàn tự mình tạo nên.

« Kinh Lăng-nghiêm quyển thứ tám nói : « Vì lòng ái nhiễm phát khởi tình xằng, tích mãi mỗi tình xằng, sinh ra nước ái. Vì thế nên chúng-sinh lòng tưởng miếng ngon, thì ứa nước bọt ; lòng nhớ người trước, hoặc thương hoặc hận, nước mắt chan hòa ; Tham cầu tiền của, lòng sinh nhãi ái, suốt mình bóng nhoáng ; Lòng nghĩ dâm-dục, hai căn trai gái, tự nhiên rỉ nước. Tuy mỗi thứ ái một khác, nhưng cùng một thứ nước. Nước ứa không bốc lên được, tự nhiên phải đổ lặc ». Ấy tức là chỉ rõ cái lý tham-dâm tình-ái, thì phải đổ vào ba đường ác vậy.

« Một là dâm-tập giao-tiếp, bởi chỗ cùng cọ sát nhau mà phát ra, cọ sát mãi không thôi, thì tự nhiên bật ra lửa, như người lấy tay nọ sát vào tay kia, tự nhiên thấy nóng. Hai cái tập (1) cùng thế, chỗ nên mới có những sự cột đồng giường sắt ».

Các nhà Điện-học phát minh ra phép chập điện, cũng do chỗ nhận được cái lý cọ sát bật ra lửa mà ra, xem thế đủ biết xưa kia ôm ấp nhau hoài, tức là cái nhân ôm cột-đồng khi đó, xưa kia chân gấm đệm là, tức là cái nhân nằm giường sắt khi đó ».

« Hai là tham tập giao-kế, bởi chỗ cùng hút lẫn nhau mà phát ra. Hút mãi không thôi, cho nên mới có cái cảnh rét giót thành băng, phải chịu rét công ở trong đó. Như người dùng miệng hút hơi n, oài vào, thì thấy có khí lạnh chạm vào miệng, hai cái tập cùng sấm lẫn nhau, cho nên mới có những sự cha-cha ba-ba, la-la bần bần v. v. (bình dung cái cảnh rét khò trong ngực rét).

« Ba là sân tập giao-xung, vì cùng chống cự nhau, mà sinh ra. Chống cự mãi không thôi, lòng nóng bật ra lửa, lửa đúc kim-khí, cho nên mới có cái cảnh núi đao cây gươm v. v » Mỗi một nghiệp ác, cảm ra một địa-ngục để tự trừng trị mình, trong kinh giảng rõ hết cả, đây tôi chỉ dẫn qua ba cái nghiệp tham, sân, si nó là ba cái nghiệp nặng nhất để chúng rõ cái nghĩa địa ngục là có thực, là do cái tâm xằng bậy tự tạo ra thực đó thôi. Chúng-sinh người phạm mất tục, không biết không hay, bảo cần là không có, thực là sai lầm lắm, chứ đối với con mắt tuệ-nhân của Phật thì Ngài đã thấy rõ hết cả các cảnh khổ báo của chúng-sinh rồi, nên nói cho chúng-sinh nghe rành rẽ như thế, có phải là sự ngẫu nhiên đâu. Nay tôi lại kể đến năm ngục vô-gián là cái ngục khổ nhất để cho ai nấy nghe thấy rồi, tự

(1) *Tinh dâm sân có từ trước và nay làm tăng thêm sự dâm là hai cái tập,*

nhiên biết hối biết sợ mà tránh khỏi được cái nỗi trầm luân.

Kinh Địa-tạng quyền thượng nói : Nếu chúng-sinh nào, ăn ở bất hiếu với cha mẹ, thậm chí giết cha giết mẹ, thì phải đọa vào địa-ngục vô-gián, ngàn muôn ức kiếp, không biết kỳ nào ra được. Nếu chúng-sinh nào, đâm Phật chảy máu, hủy báng tam-bảo, không kính kinh-điển; chúng-sinh nào làm tổn hại của nhà chùa, làm như đến tăng ny, hoặc túng tứ đám dực ở trong chùa, hoặc sát hoặc hại; Chúng-sinh nào giả danh là thầy tu, mà tâm không thiết là thầy tu, phung phá của chùa, lừa dối kẻ tại-gia, sai trái giới luật, làm các tội ác; Chúng-sinh nào ăn trộm ăn cắp của nhà chùa, như tiền tài thóc gạo, đồ ăn đồ mặc, cho chí một vật gì, không cho mà cứ lấy, những tội như thế, đều phải đọa vào địa-ngục vô-gián, ngàn muôn ức kiếp, không biết kỳ nào được ra cả. Vô-gián địa-ngục tức là một cái tên địa-ngục khổ não thứ nhất, ai đã đọa vào ngục ấy, thì từ lúc mới vào, cho đến trăm ngàn kiếp, một ngày một đêm, trải qua muôn lần sống chết, muốn được yên-thần trong một giây phút cũng không thể được, trừ phi hết nghiệp, mới được đầu thai sinh vào ngã khác ». Ngoài địa-ngục vô-gián ra, còn có trăm ngàn địa-ngục khác, trăm ngàn quả-báo khác, nay lại kể mấy thứ quả báo thường thấy như sau này :

« Ai hay sát-sinh, phải chịu quả-báo chết non; ai phạm tội trộm cắp, phải chịu quả-báo nghèo cùng khổ sở; ai phạm tội lá-dâm, phải chịu quả-báo làm chim sẻ, bồ-câu, uyên-ương v. v. ai hay nói độc ác, phải chịu quả-báo họ hàng hay đánh nhau cãi nhau; ai hay hủy báng, phải chịu quả-báo cụt lưỡi và lỗ miệng; ai hay dận dử, phải chịu quả-báo tàn tật xấu sa; ai hay keo bần, phải chịu quả-báo cầu gì cũng không được như ý; ai hay ăn uống tham lam vô độ, phải chịu quả-báo đói khát đau cổ; ai hay sân bần tàn ác, phải chịu quả-báo rồ-rại

mất mạng ; ai mà ngỗ-nghịch với cha mẹ, phải chịu quả báo trời chu đất diệt ; ai hay đốt rừng đốt cây, phải chịu quả-báo cuồng mê đến chết ; ai là mẹ già mẹ ghê bố dưỡng mà ăn ở, tàn ác với con chồng con vợ lẽ, phải chịu quả-báo lại phải làm con mà chịu những sự đòn đánh ; ai hay đánh lưới chim cò, phải chịu quả-báo cốt-nhục phân-ly ; ai hay hủy-báng Tam-bảo, phải chịu quả-báo dui điếc cảm ngộng ; ai hay phung phá của nhà chùa, phải chịu quả-báo luân-hồi địa-ngục hàng ức kiếp ; ai hay làm nhơ-nhuốc đến cái hạnh thánh sạch của người tu, phải chịu quả-báo làm súc sinh ; ai hay dùng nước sôi lửa dữ làm hại giống sinh-linh, phải chịu quả-báo luân-hồi đền trả mãi ; ai đã phá giới phạm trai, phải chịu quả-báo làm loài chim muông đói khát ; ai đã phung phí của trời, phải chịu quả-báo cầu gì cũng hỏng cũng thiếu ; ai hay lên mặt khinh người, phải chịu quả-báo làm tôi tớ hèn hạ ; ai hay nói lưỡi đôi chiều, phải chịu quả-báo không lưới và trăm lưới ; ai phạm các tội tà-kiến, không tin cái luật nhân-quả phải chịu quả-báo sinh vào nơi mọi rợ ». Đây là tội y theo kinh mà kể, lược qua chút ít đó thôi, nếu nói cho liết, thì nói đến mấy năm mấy kiếp cũng không xiết được. Nói tóm lại, làm ác kết-quả ác, tùy nghiệp mà tự rước lấy, nó là cái nghĩa nghiệp-báo không sai vậy

T A

Lễ Phật niệm Phật là thói mê-tín, chỉ mấy bà già và kẻ vô học thức theo, chứ pho tượng gỗ ấy có biết gì.

CHÁNH

Lễ Phật công đức rất lớn, niệm Phật công đức cũng rất lớn, cái lý-do ấy rất nhiệm mầu và rất phiền phức, không thể nói xiết được, nhưng rút lại thì có mấy lẽ rất thiết cận yếu-trước : một là lễ Phật để chiết

phục cái tính ngã-mạn, cái tính kiêu ngạo khinh người; hai là tăng thêm lòng kính: có kính mới vâng theo được giáo pháp giới luật của Phật. Ba là biết ơn, đang mê man trong vòng tham dục, có người chỉ vạch rõ chỗ, mê lầm, thì phải tạ ơn; bốn là lễ Phật tức là lễ mình, kính Phật tức là kính mình, vì mình chính là Phật, vì mê muội mà hóa ra ma, nay lễ Phật khác dễ thức tỉnh mà tìm thấy Phật mình, nên trong kinh Hoa-nghiêm nói rằng: «Tâm, Phật, chúng-sinh, ba ngôi ấy không có khác gì nhau». Niệm Phật tức là một phép tập-chung tư - tưởng, giữ lấy mỗi chính-niệm, không nghĩ sâng nghĩ bậy, niệm Phật mà chú tâm vào Phật, thì mình tức là Phật, cho nên niệm đến nhất-tâm không rời loạn, tức là tới cõi bồ-đề, trừ sạch phiền não. Cái công đức niệm Phật thực là lớn vô cùng vậy. Trong kinh Thí-dụ nói rằng: ngày xưa có một nhà vua, phản nghịch lên làm vua. Có một vị La-hán biết nhà vua ấy, chỉ còn bảy ngày nữa thì chết phải đọa vào ngục vô-gián, chịu khổ hàng kiếp. Vị La hán thương tình đến hóa độ cho và khuyên róc một lòng niệm « Nam mô Phật » bảy ngày liên tiếp không được sao nhãng. Nhà vua vâng lời, chấp tay Niệm Phật suốt ngày suốt đêm đủ hạn bảy ngày thì chết, thần hồn dẫn đến địa ngục a-tì, trông thấy cửa ngục, liền cất tiếng niệm Phật thật to, những kẻ bị đày trong ngục, nghe tiếng niệm Phật cũng đua niệm theo, liền thấy lửa trong địa ngục, tự nhiên tắt hết, hết thấy những kẻ tù tội, đều được giải thoát. Lại có một ông con vua, tên là Kim-chàng, kiêu ngạo tà kiến, không tin Phật pháp. Bấy giờ có một thầy tỷ-khiêu, tên là Định-tự-tại rủ ông con vua vào trong tháp, cho xem các tượng Phật. Ông con vua trông thấy tượng Phật chang nghiêm, mới bảo thầy tỷ-khiêu rằng: «Tượng Phật còn đẹp như thế, huống chi là chân-thân Phật, không biết còn đẹp đến thế nào?». Thầy Tỷ-khiêu nói: Nay ông đã thấy tượng Phật, chưa thể lễ được,

thì hãy chấp tay niệm Nam mô Phật đi. Bấy giờ con vua liền chấp tay niệm Phật, khi về đến cung, cũng vẫn còn dính dính nhờ mãi. Đêm hôm ấy, lại nằm mộng thấy tượng Phật trong tháp, rất là vu vẻ, trừ sạch tà kiến, quy y tam bảo. Nhờ cái mầm lành vào tháp xem tượng Phật và niệm Phật ấy, sau khi chết đi, được gặp chín trăm vạn ức vô số Phật, tu được phép niệm Phật chính định, được Phật thụ kí cho, từ đó trở lại, không đọa vào đường ác, cho đến ngày nay, chúng được cõi định rất thâm. Ông con vua ấy tức là ngài Tái-thủ bồ tát bây giờ vậy. Lễ Phật, niệm Phật có nhiều ý nghĩa nhiệm mầu như thế, công đức lóu lao như thế, mà cho là mê tín, thì thử hỏi trong đạo Nho, thờ cúng Tổ-tiên, các nước Âu-Mỹ đáp tượng danh - nhân, xây đài kỷ-niệm, đến ngày kéo nhau ra, đặt vòng hoa, đứng cúi đầu im lặng mấy phút, cũng là mê tín ư? Sự tượng thì tùy chốn tùy nơi mà có chỗ khác nhau, còn đến chỗ tinh-thần riệu-dụng thì cùng một ý nghĩa cả, người có trí thức, mới có thể hiểu được, không phải là một sự thường.

Cứ như mọi lẽ đã chứng dẫn ở trong kinh ra thì địa-ngục quả là có thực, địa-ngục quả là tự ta tạo ra thực, vậy thì sau khi ta chết có bị đọa vào địa ngục hay không, mọi người thân thuộc ta, cho đến tất cả mọi người có bị đọa vào địa-ngục hay không, có thể tới ngay hiện tại mà xét định được là siêu thăng hay luân-hồi và ai đọa ngục nào, ai chịu quả báo gì cũng xét biết được hết.

Chính cái thân ta, mà ta biết gắng sức tu hành, biết sợ nhân quả, không dám làm sâng, thì ta tự giải thoát được rồi, còn như người thân thuộc ta và hết thầy chúng sinh vì vô minh che lấp, mê muội chân tâm, nhấm mắt làm liều, gây nên nghiệp ác, bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các nỗi khổ mãi, thì ta nghĩ làm sao? Phật đã soi tỏ cái lòng

thành thiệt ấy cho ta, nên mới chỉ dẫn cho ta biết phép làm chay phả - độ, xám hồi cầu siêu, trước là báo đền ơn tổ tiên cha mẹ, sau là tế độ cho cả quần sinh, thực là xứng đáng với câu của Không phu tử nói: « Minh tự lập được rồi lại dạy cho người biết tự lập như mình, mình thông đạt rồi lại giúp cho người được thông đạt như mình ». Cái ơn đức ấy thực là như trời như bể vậy. Nhưng khổ nỗi chúng sinh, nghiệp nặng chướng đầy, trí tuệ không đủ, lại thêm lười biếng, không chịu nghiên cứu kinh-diễn, suy nghĩ nghĩa lý, cứ nhắm mắt làm càn, cứ nhắm mắt theo mù, kinh dạy một đằng, làm sai một nẻo, thành ra phương thuốc thần diệu lại hóa ra thuốc độc hại người, cái chỗ khờ dại ấy, thực là đáng thương lắm, nay lược cử mấy điều làm sai như sau này :

T A

Gửi của âm-phủ

Có nhiều người ngu muội, tưởng dưới âm-phủ cũng như trần gian, có tiền mua tiên cũng được. nên bạc dăm toạc tờ giấy, cho nên tha hồ phóng túng, tha hồ làm ác, không còn đoái chi đến nhân-nghĩa đạo-đức nữa, miễn là kiếm được danh cao lợi lớn, cung phụng cho cái xác thịt, được thỏa phần vật-chất, rồi mua ít vàng thoi bạc hoa-viên, mời thầy tu, thầy cúng làm lễ, để gửi tiền ấy xuống âm-phủ, khi chết xuống đó, đã sẵn có đó mà lo lốt những nhà đờng - chức ở dưới ấy chẳng còn lo gì cái khổ địa-ngục nữa. Đối với tổ-tiên cũng thế, không lo làm phúc làm duyên để cứu giúp vong linh tiên-nhân, chỉ lo đốt vàng đốt mã thật nhiều, tưởng làm như thế thì tiên-nhân cũng được làm tiên nhiều bạc hưởng cái cái phúc xuống như trên trần.

CHÁNH

Ồi ! cái lòng tin tưởng như thế, thực là vô-lý đến

cùng cực. Nói ngay như trên trần mà không biết giữ pháp luật, lại đem tiền gửi cho quan tòa, rồi mặc sức làm càn làm bậy, phỏng có quan tòa nào nhận tiền ấy cho mình mà bênh vực cho mình không? Huống chi là vua Diêm-la, có tiếng là thiết-diện vô-tình, dút lút làm sao cho được? Vả lại nhân nào quả ấy, trên kia đã nói rõ. mình tự tạo nghiệp thì mình tự phải chịu lấy, đúng như câu kinh Thư đã nói: « Trời làm và còn có thể tránh, tự làm và thì không có thể sống được » vậy.

Kinh Địa-tạng quyền trung nói: « Nếu thiện-nam tín-nữ nào, khi ở trên trần, không tu nhân lành, làm nhiều tội ác, sau khi chết rồi, họ hàng lớn bé, vì người chết ấy, làm các việc phúc, cho chi hết thầy các việc Phật, thì trong bảy phần lợi ích, người chết chỉ được có một, còn sáu phần về người sống được hưởng, vì có như thế cho nên các thiện-nam tín-nữ, đời bây giờ hay đời sau này, lúc còn khỏe mạnh, nghe lời kinh giáo, biết tự tu đi, thì được đủ mọi phần phúc lợi, trả lại, thì con quỷ vô-thường, bất kỳ nó đến, thần thức mơ màng, chưa biết tội phúc ra sao, trong vòng 49 ngày như ngày điếu, hoặc ở các sở, biện luận nghiệp quả, sau khi định nghiệp, cứ nghiệp thụ-sinh, trong lúc chưa biết ra làm sao, cũng đã thấy muôn ngàn sầu khổ, huống chi là đọa vào ngã ác, thì khổ biết chừng nào!». Đọc đoạn kinh này, suy xét cho kỹ, càng biết đạo lý Phật-giáo thực là chân chính viên-mãn, không còn bình bác vào đâu được nữa.

T A

Cúng kem

Nhiều người ốm lâu, cầu sống không sống, cầu chết không chết được, liền mua đủ các thứ thanh bông hoa-quả, tôm cá lươn trạch, rồi mời thầy về cầu cúng, tin rằng sở gì không chết được là vì thần khẩu nó giữ

miệng, chưa được ăn chán của đời, nên phải cúng cho nó ăn đủ thứ, rồi mới chết được.

CHÁNH

Đó thực là một điều tin nhầm, không đúng chính pháp Kinh Địa-tạng quyền trung nói : « Nếu đời sau này, có người đàn ông hay đàn bà nào, ốm nằm liệt giường liệt chiếu, cầu sống không được, cầu chết cũng không được ; Hoặc đêm mơ thấy ác-quỷ, hay thấy những người trong thần thích ; Hoặc đi chơi các lối nguy-hiêm ; Hoặc thường bị bóng đè, cùng với quỷ-thần cùng đi chơi, ngày trông tháng chất, thân thể hao mòn, trong lúc ngủ ngày, kêu rên những tiếng rất thê thảm, đó đều là vi nghiệp nhân vẫn vit, bản cái chưa xong, nặng nhẹ chưa định, nên chưa chết được hay chưa khỏi hẳn được. Trai gái mắt tục, không hiểu lẽ đó, vậy phải đến trước tượng Chư Phật và Bồ-tát, cất tiếng rõ ràng mà tụng kinh này một lượt, hay là lấy cái đồ gi là đồ của người ốm yếu quý nhất, hoặc là áo mặc, châu báu, vườn trại nhà cửa, đến trước người ốm, nói to lên rằng : « Tôi tên là mỗ, xin vì người ốm này, đối trước kinh tượng bỏ cả các đồ, hoặc đề cúng dâng kinh tượng, hoặc tu tạo hình tượng Phật và Bồ tát ; hoặc xây tháp làm chùa ; hoặc cúng dầu thắp đèn ; hoặc bố thí vào thường-trụ ». Bạch rõ ba lần như thế, để cho người ốm biết, dù cho tới lúc các phần thức tan lìa, sắp tắt hơi thở, trong vòng một ngày cho chí bảy ngày trở lại, cứ cất tiếng bạch lớn, cất tiếng tụng kinh cho rành rọt, thì người kia khi chết rồi, bao nhiêu tội nặng kiếp trước, cho chí năm tội vô-gián, cũng được giải-thoát hết, sinh vào ngã nào, cũng thường nhớ được việc kiếp trước ». Cũng trong kinh Địa-tạng quyền hạ nói rằng :

« Sáu ngã chúng sinh ở trong các thế giới đời hiện tại và đời vị lai này, tới lúc sắp chết, được nghe thấy danh hiệu ngã Địa-Tạng bồ-tát lọt vào tai, thì

các chúng sinh ấy, vĩnh viễn không phải vào ba đường ác nữa. Huống chi lúc sắp chết đó, cha mẹ họ hàng, biết đem những số tài sản, châu báu, quần áo mặc của người ốm ấy bán đi mà chi vào việc tô vẽ hình tượng ngài Địa-tạng, hoặc khiến người ốm kia, khi chưa tắt ngấm, được mắt thấy tai nghe, biết rằng người thân thiết mình đem những tài sản châu báu của mình mà lo việc tô vẽ hình tượng ngài Địa-Tạng cho mình, thì người bệnh ấy, nếu vì nghiệp báo-phải chịu bệnh nặng, nhờ công đức ấy, cũng được khỏi dần, tăng thêm tuổi thọ, mà nghiệp báo đã đến ngày hết, có bao nghiệp chướng, đáng phải đọa vào ngã ác, nhờ công đức ấy, sau khi chết rồi, liền được sinh vào cõi thiên hay nhân gian, được hưởng những sự sung sướng, hết thảy tội chướng đều tiêu-diệt hết ».

Xem hai đoạn kinh trên đây, ta sẽ hiểu rõ ngay rằng những người ốm mãi không chết được là vì nghiệp chướng nặng quá. nghiệp quả chưa định là một cái bản lớn nhất, lại thêm nghiệp tham say đắm, tiệc của tiệc con, dứt ra không được, cho nên phải chịu những nỗi khổ liệt dường liệt chiểu thảm thương như thế. Cái tục cúng kem, xuy đến cái chỗ dụng tâm, cũng là hiểu đến cái nghĩa tham tiệc của đời, nên dủ cho ăn đủ các thứ cho sạch lòng tham, thành ra muốn trừ nghiệp tham, mà lại tăng thêm nghiệp tham, duy có phép Phật, tụng kiuh niệm Phật, cho người ốm hiểu biết những nghĩa tội báo nhân quả, mà xám hối tội xưa, bỏ hết của riêng ra mà bố thí cúng dàng, để trừ sạch nghiệp tham, thực là chí chân chí chính, lợi lạc cả kẻ sống người chết vậy.

Lại còn một cái tập tục đối với người sắp chết, đã khổ về tật bệnh đau đớn, lại khổ về tình ái thế-gian, mà họ hàng bè bạn đến thăm, cứ hỏi han những việc con cái, cửa nhà, cửa nả về sau, hay cứ khóc

lóc kè lè lời thối, như thế là chỉ làm cho người ốm kia tăng thêm khổ não, chết không nhắm mắt được mà thối, có ích gì đâu. Tôi thường thấy lắm người đến thăm người ốm nặng, chẳng biết yên ủi câu gì, lại hiện ra vẻ mặt rầu rĩ mà bảo người ốm rằng: « Thối, bệnh này người vàng đánh cũng chẳng lại được đâu, có giới giăng gì thì giới giăng đi thối ». Bất buộc cho người ốm phải đứt ruột tan lòng mà nói những lời ai nghe cũng thấm thương, như thế thực là trái đạo từ bi lắm. Theo như chính pháp của Phật, thì đối với người ốm, chỉ nên an ủi người ta hiểu rõ cái nghĩa vô thường, khuyên niệm Phật và cùng nhau niệm Phật giúp cho người ốm yên ủi tâm hồn, sống đã đỡ lo đỡ buồn, chết cũng an ủi thư thái, đợi khi lạnh khắp cả người rồi, bấy giờ bấy nên khóc. Như thế là hợp với cái đạo lý tình nghĩa thế gian mà lại được cái lợi tiêu trừ nghiệp chướng vãng sinh tịnh độ như lời Phật đã dạy ở trong kinh rằng: « Nếu người nào tới khi sắp chết, họ hàng bè bạn, cho chí một người, vì người ốm ấy, cất tiếng niệm Phật một tiếng cho to, thì người chết kia, chỉ trừ nẫu tội vô-gián còn các tội báo khác, đều được tiêu diệt hết. Song năm tội vô-gián, tuy là tội rất nặng, chịu hàng ức kiếp, không được thoát ra, mà khi sắp chết nhờ có người khác niệm Phật cho, thì các tội ấy, cũng được tiêu diệt dần, huống chi chúng sinh tự biết niệm lấy, thì được hưởng phúc vô lượng, diệt được tội vô-lượng (Địa-tạng quyền trung).

Làm chay, Cúng tuần tứ cửu

Con cháu đối với Tổ-tiên ông bà cha mẹ, cha mẹ đối với con cháu, cho chí họ hàng thân thích đối với nhau, người ta đối với các người chết, làm chay phả độ, cúng tuần tứ-cửu, thực là hợp với cái nghĩa nhân hiếu chung hậu, thực là đúng với chính pháp của Phật lắm rồi, không có gì đáng bình bác cả. Nhưng tới

xem gần nay, nhân tình hay xu hướng về bề ngoài, không biết chú trọng về phần tinh thần, không chịu đọc kinh, không chịu xem hỏi các bậc trí thức, phần nhiều cứ chấp nệ những câu tục truyền vô căn cứ, và đem thói tục làm loạn cả chính pháp, không những không được công đức gì mà chỉ tổn liền, lại mang thêm tội, như cúng tứ-cửu, lại chỉ tin rằng cúng tuần ba mươi năm mới là có ích, làm chay thì chỉ xin làm hết đàn này đến đàn khác, nào mũ nào mã, nào trèo đò, giáo ngựa, giải kết chuộc tội, rồi mời khách mời khứa, thết đãi linh đình, lại đem cả rượu cúng tuần vào trong chùa để đãi dọa nhau, làm chay song rồi về nhà lại ngả mại, giết trâu giết bò, giết dê giết lợn, để trả nợ miệng nhau, biết bao nhiêu sự tin tưởng sai lầm với chính pháp như thế, khiến cho người biết đạo trông thấy mà phải đau lòng rơi lụy. Nên biết rằng phép cúng tứ cửu là phép của Phật đã dạy rõ ràng trong vòng 49 ngày, cứ bảy ngày là một tuần, cứ ngày bảy đó mà tụng kinh sám-hối, thành tâm cầu nguyện cho vong là được lợi-lạc, không cứ gì một tuần ba mươi năm.

Ta nên hiểu rằng số bảy là số âm-cực dương sinh, là cái kỳ dương-khí phát sinh, khi âm tan tác, cũng như mây mù đen kịt, có bóng mặt trời hé ra thì tan dần hết, tức như vô-minh che lấp chân tâm, kết thành nghiệp-chướng sâu dày, hễ biết quay đầu tỉnh lại, chân như chiếu tỏ, lại sạch hết ngay, cái số bảy đó không những quan-hệ cho người chết, mà quan hệ cả người sống, ừa, xem như các bệnh thương hàn, cũng cứ bảy ngày một kỳ, quá kỳ là khỏi, không khỏi lại truyền sang kinh khác, truyền hết kinh mà vẫn giữ gìn được cần thận thì tự khắc khỏi, mà không cần thận thì tất chết. Vậy ta đã hiểu cái ý nghĩa tuần thất như thế rồi thì cứ tính từ ngày chết trở đi, cứ bảy ngày lại tụng kinh sám-hối, làm phúc làm duyên, để giúp thêm

duyên lành cho người chết, cho đến tuần cuối là tuần 49 thì thôi. Bất cứ giàu nghèo sang hèn đều cứ theo thế là phải Có thì sửa lễ trang-nghiêm, không thì nên hương bát nước, miễn là vì người chết kia chí thành cầu nguyện, là được nhờ ơn tế-độ, không phải cứ đàn-tràng rầm rĩ mới được phúc dầu. Còn như việc làm chay, cứ trong kinh Phật, chỉ cốt có tụng kinh niệm Phật, phóng-sinh tu-phúc. Tụng kinh niệm Phật là cốt cho kẻ chết người sống nghe rõ nghĩa lý nhân-quả luân-hồi mà đời lỗi làm lành. Biết đời lỗi làm lành, tức là giông cái nhân tốt, giông nhân tốt thì được kết quả tốt, kẻ thác người còn đều được lợi ích, cốt tùy ở chỗ đó. Phóng sinh để xám tội sát-sinh tàn ác, tu phúc để giúp thêm nhân lành, làm được cả hai phần tụng kinh niệm Phật, phóng sinh tu-phúc đó, tức là đã được cả phúc với tuệ, tức là cái nhân có ngày chứng được quả Phật nữa, không phải chỉ độ được người chết mà thôi. Ta đi thân đến trước cửa Tam-bảo, cầu nguyện cho người thân của ta, thì có khác gì ở trên trần-gian ta đây, người thân đang bị giam cầm tra tấn trong ngục, mà ta đi kêu đi cầu, mong gỡ được tội cho người thân của ta, thì tất là lo sầu sợ hãi, không phút nào yên, đôi mắt quan tòa, giữ gìn kính cần, không dám phóng túng một tý gì. Thế mà ta nay đem nhau đến cửa Phật, cầu nguyện cho người thân ta thoát khỏi địa-ngục trầm-luân, mà ta coi như trò chơi, kéo nhau đến mà truyện trò rầm rĩ, ăn uống linh-đinh, chủ thì thù tạc nhọc nhàn, không còn thì giờ dầu mà lễ bái mà xám nguyện, khách thì chỉ biết cỡ to hay cỡ nhỏ, tưởng chùa như hàng phố tiệm cao lâu, không hề tụng niệm cho vong một tí nào, như thế phỏng có ích gì cho người chết không? Lễ đó chắc ai cũng rõ. Vậy tôi dám khuyên các ngài thiện-tín, đã tin Tam-bảo, đã biết nghiệp-nhân thì phải học hỏi cho tường, xuy xét cho kỹ, làm chay cúng tuần, diệc thứ

nhất phải mở lòng rộng lớn, không những muốn cứu độ cho người thân mình, mà lại còn muốn cứu độ cho cả các chúng-sinh nữa; thứ hai phải trai giới sạch sẽ, lễ nguyện kêu cầu, tận tâm tận lực mình để chịu thay khổ nạn cho vong; Thứ ba phải thân tay sửa soạn lễ nghi cúng Phật cho thật thanh-khiết; Thứ tư nên mời những người có lòng thành tín đến niệm Phật giúp cho; Thứ năm phải cấm tiệt rượu thịt; Thứ sáu phải phóng-sinh bố-thí, làm được như thế thì kẻ còn người khuất, đều được lợi ích vô cùng, trái lại không giữ được thì không nên làm nữa là hơn, vì làm sai phép lại càng thêm tội. Còn như đàn huyết-hồ đàn truyền-luân, đàn phá ngục v. v. đó là phép quyền nghi, các Tồ-sư chế ra để độ khắp quần-sinh. Phép làm đàn đó, cũng một ý nghĩa như lối diễn-kịch ngày nay. Bày ra địa-ngục, nêu các tên ngục, cho người ta trông thấy tự nhiên kích động lương-tâm, sợ tội mà hối lại; Đón vai chầu Phật Bồ-tát diễn văn kinh xám để cho người nghe, hiểu rõ cái lý nhân-quả luân-hồi. Vì đời có nhiều người ít có tin-căn, cả đời không biết đến cửa chùa, không nhìn đến kinh-điển, hay vì ngu dốt không đọc được kinh, nay thấy đàn tràng rực rỡ, cao hứng vào xem, thấy cảnh động lòng, tự nhiên cảm-hóa, thực là một phép mượn lối quyền-nghi phương-tiện mà đưa người vào chỗ chân-chính quang-minh, ta thấy nhiều người nhân đi xem làm chay mà biết đạo Phật mà sợ nhân-quả báo-ứng, chính là vì lẽ đó. Chỉ hiềm ngày nay đạo pháp suy kém, người làm pháp-sự ít có tinh-thần, không phải vì hóa độ người mà làm, lại vì đọc toàn chữ Nho, không ai hiểu được, kết-quả lại làm chỗ cho người họp nhau đùa bỡn, lợi ít mà hại nhiều, cứ ý tôi nghĩ thì làm đàn cũng không có hại gì, nhưng cần phải diễn ra tiếng ta và làm cho chính đôn, thì mới là đúng lẽ. Lại như cái phép làm sớ, nguyên ý các tồ chế ra là cốt giải nghĩa cho ta nghe những câu tán thán công đức Phật, giải bày những nguyên-ủy mà chúng-

sinh đã vì đó gây nên tội lỗi, lại chỉ dẫn cho người cảm-động đến công-lao tinh-nghĩa Tổ-tiên và những người có tinh thần với kẻ sống mà lo toan làm phúc làm duyên, để giúp thêm phúc lành cho kẻ chết thoát khỏi luân-hồi, siêu sinh tịnh-độ, ý nghĩa rất hay, nhưng ở xứ ta, chữ Nho không phải là của ta, không còn mấy người hiểu được, thành ra nghe sớ như vẹt nghe sấm, thành ra sai cả cái nghĩa chữ sớ. cứ như ý tôi thiên nghĩ thì « Tâm động quỷ thần tri ». Lòng mình cảm-động quỷ-thần đã biết, quỷ thần còn biết, huống chi Phật Bồ-tát là đấng đại-giác, có lẽ nào phải đợi ta đọc sớ ngài mới hiểu được sao ? Thiết-tưởng khi lễ khi niệm, cứ chuyên tâm mà tưởng nguyện cho người thân của mình, và chi thành mà xám-hối là đúng phép hơn, nếu còn chấp rằng phải cần có sớ, thì nên làm sớ quốc-văn, tự mình biên lấy, tự mình đọc lấy, tự mình nghe mà nghĩ, nghĩ mà tu thì còn có phần cảm ứng hơn.

Phép hay mà người làm sai, lại hóa ra dở, sự đời cái gì cũng thế, ta đã biết, ta phải sửa ngay. Lại còn những cái tục ác làm bùa trừ trùng mà giết vô số là của lươn cóc nhái, bắt cả con chó sống mà chôn lên mả, cho kêu đến chết, thực là một cách tàn nhẫn vô-nhân-đạo, đã hiểu cái kiếp người ta sinh cũng bởi nghiệp, chết cũng bởi nghiệp, không có ai làm cho ta sinh được và chết được, thì những cái tục ác ấy nên trừ ngay đi.

Nói tóm lại thì muốn sự ở đời không ngoài lẽ phải, biết được lẽ phải thì là chính, làm trái lẽ phải tức là tà. Biết bỏ tà về chính, thế là người khôn. Những cái tệ tục lỗi kẻ trên kia, đều là những cái tệ ác rất thâm-khốc, tôi đã nói rõ lý-do cả rồi, nay tôi xin dẫn lời Phật nói trong kinh để chứng rõ những lẽ ấy.

Phẩm Lợi-ich - tôn - vong kinh Địa-tạng quyền trung nói rằng : « Ngài Địa-tạng bồ-tát bạch Phật rằng : Bạch đức

Thế-tôn, con xem chúng - sinh trong cõi Diêm - phủ, cái chân móng nghĩ, đều là tội cả, làm thiện chóng thoái, làm ác ngày tăng, những người như thế, cũng như đi trên bùn lầy, lại đội hòn đá nặng. Chúng-sinh tập ác như thế tới khi sắp chết, con cái họ lằng, nên làm việc phúc, để giúp ích cho vong. Hoặc treo phan phướn, hoặc thắp đèn nến, hoặc tụng kinh cúng Phật, cho chí niệm danh hiệu Phật, danh hiệu bồ-tát, cho rõ vào tai kẻ sắp chết, cho động đến thần-thức, thì kẻ sắp chết ấy, tính phần ác-báo. tất dọa ác-thú, nhờ có họ hàng, vì mình làm các sự tốt lành như thế, thì bao nhiêu tội đã làm đều tiêu diệt hết (Đó tức là phép trợ niệm, phép này là một phép cần nhất, được thoát tội hay không cốt ở lúc này, còn đón đi tiếp-dẫn giòng đường, chỉ là bề ngoài, không có ích mấy). Nếu lại hay vì người chết kia, trong bảy bảy 49 ngày, làm nhiều việc từ-thiện, thì lại khiến cho kẻ chết được thoát khỏi ác - thú, sinh thiên hay người, hưởng phúc tốt lành và họ hàng con cháu ở trên trần cũng được lợi ích vô lượng. (Đó là phép cúng từ-cửu, cốt nhất ở chỗ làm phúc). Vì thế nên con xin đối trước đức Thế-tôn, khuyên bảo người đời, cái ngày sắp chết, đừng có sát hại sinh linh, và làm các sự ác duyên, cúng tế quỷ-thần, cầu các ma mãnh. Sao thế ? — Vì rằng sự giết hại sinh linh cho chí cúng tế quỷ thần kia, không được mây may ích lợi gì cho người chết, mà chỉ kết thêm tội duyên, càng nặng càng khổ, giả dụ người chết kia sang kiếp sau này hay ngay kiếp này được giữ phần thánh-chúng, hay sinh thiên sinh nhân, mà vì lúc lâm-chung, bị họ hàng con cháu, làm nên nhân ác ấy, cũng khiến cho người chết kia bị vạ-lây đời co mãi, chậm được sinh vào chốn lành, nữa là người chết kia, lúc còn ở đời, chưa làm được chút mầm lành nào, cứ nghiệp riêng mình, cũng phải chịu dọa ác thú rồi, thì họ hàng kia, nỡ nào lại làm cho nghiệp

kia thêm nặng nữa không? Sự đó cũng ví như một người đi đường xa lại, hết lương ăn đã ba ngày, lại phải mang một cái đồ nặng quá trăm cân, hết nhiên gặp người láng giềng, lại tặng thêm cho một ít đồ nữa, tất lại càng thêm khổ nạn lắm. (Đó là chỉ rõ cái lẽ sát-sinh cũng nhằm làm cho người thân thêm tội). Chúng-sinh đã, làm nên tội nghiệp kia, sau khi chết rồi, họ hàng con cháu, làm chay cầu siêu giúp cho kẻ chết, thì khi chưa cúng xong và lúc đang sửa soạn chai-bàn, từ nước vo gạo cho chí lá dâu nhặt ra không được vớt xuống đất, cho đến các thức ăn trước. Nếu ăn sai lầm, hay làm không tinh-khiết, thì người chết kia, chẳng được nhờ một chút gì cả; Nếu giữ được trọn vẹn, thì người chết được một phần, người sống được sáu phần (Đó là chỉ rõ phép làm chay cốt ở thành kính thanh-khiết mang rượu thối vào, thì nguy biết chừng nào?!)

KẾT LUẬN

Những phép làm chay cúng tuần, cầu siêu nguyện độ, đều là những sự thuộc về cõi linh thần mầu nhiệm, duy có Phật bồ tát và bậc tu đã chứng quả mới biết được, không phải là đạo cày ở cái thông minh của thế gian mà toan lường phê phán được vậy, nên kết luật bài cải tà quy chính này tôi lại xin dẫn hai đoạn tiêu sử của ngài Địa-tạng bồ tát đã thực hành mà báo đáp được ơn mẹ và mở lối siêu thoát cho thế gian muôn ngàn ức kiếp về sau này:

Một kiếp thứ nhất, ngài là con gái họ Bà-la-môn, ở đời Phật Giác hoa định lực-tại-vương như lai. Bà mẹ ngài tin tà thuyết, thường khinh tam-bảo, Ngài hết sức can không nghe, khi chết phải đọa vào ngục vô-gián. Ngài biết mẹ không tin nhân-quả, làm nhiều nghiệp xấu, lữ đọa ác thú, mới bán cả nhà cửa, sắm đủ hương hoa chai soạn đến

chùa cúng dàng mà kêu cầu khóc lóc xin Phật cứu mẹ cho. Một hôm chỉ thành, cảm trên Đại-giác, đức Giác-hoa định-tự-lại mới bảo rằng cúng dàng xong rồi, cứ về ngồi yên mà niệm danh hiệu Phật, tự khắc thấy chỗ mẹ bị đọa, Ngài vâng lời Phật, cùng song về nhà, niệm Phật một ngày một đêm, thì tự nhiên thấy mình đi đến một cái bể nước sôi sùng sục, rất nhiều ác thú thân toàn bằng sắt, lại thấy trăm ngàn vạn ức đàn ông đàn bà nổi chìm trong bể, bị giống ác thú tranh nhau cắn xé ăn thịt. Ngài đứng xem, bỗng thấy một chùa Quý đi đến, ngài mới hỏi thăm chốn này là chốn nào. Chùa Quý-vương nói: đây là địa-ngục, còn bọn đàn ông đàn bà kia là kẻ ở trên trần-gian, làm nhiều tội ác sau khi chết rồi, trong 49 ngày, không ai làm công đức gì để cứu giúp cho, cho nên phải chịu những tội khổ ấy, lại còn có nhiều ngục khổ hơn nữa, đều là ba nghiệp tham, sân, si, mà tự cảm ra những ngục ấy. Ngài lại hỏi chúa quý rằng: Mẹ tôi mới mất, chả hay hồn hờn ở vào chỗ nào. Chúa quý hỏi rõ tên họ giống giõi rồi thưa rằng: Xin thành giả trở về, đừng lo sầu thương như làm chi, thân mẫu ngài đã được sinh lên thiên đã ba hôm nay rồi. Số là nhờ có con hiền thuận, vì mẹ cúng dàng, tu phúc bố thí chùa tháp của đức Giác-hoa định-tự-lại-vương như-lai, không những một mình mẹ bỏ-lát được thoát địa-ngục, mà tất cả tù tội trong ngục vô-gián, ngày hôm ấy, đều được hưởng sự vui sướng mà đều được thác sinh cả rồi. Bỏ-lát tỉnh rã mộng giấc, liền đến trước tượng đức Giác-hoa định-tự-lại-vương như-lai mà phát lời thề nguyện rất lớn rằng: « Con xin nguyện rằng, vô cùng vô tận kiếp sau này, có chúng sinh nào, phải chịu tội khổ, con đều mở rộng phép phước tiện mà

cứu độ cho được giải thoát hết ».

Lại một kiếp nữa, ngài cũng sinh làm đàn bà, tên là Quang-mục, lúc đó là đời đức Thanh-tịnh liên-hoa-mục như-lai ra đời. Bấy giờ có một vị La-hán, đi giáo hóa nhân gian, khi đến nhà bà Quang-mục, bà làm chai dăng cúng. Vị La-hán hỏi muốn nguyện điều gì. Bà thưa rằng: Hôm nay là ngày giỗ mẹ tôi, tôi xin ngài làm phúc cứu giúp cho, vì tôi chưa biết mẹ tôi sinh ở chốn nào. Vị La-hán động lòng thương, liền vào cõi định, thấy mẹ bà dọa vào ác-thú chịu nỗi cực khổ, mới hỏi bà rằng: Mẹ ngươi lúc sống, làm những nghiệp gì mà nay dọa xuống ác thú, chịu nỗi cực khổ thế? Bà thưa rằng: Mẹ tôi hay ăn các loài cá, ba ba, mà lại hay ăn trứng các loài ấy, nào dưng nào giá, ăn kì đến thich, tính số mạng vật gấp mấy ngàn vạn, xin Ngài từ miễn, có cách nào cứu được thì Ngài cứu cho. Vị La-hán cảm lòng chí hiếu của bà mới khuyên bảo rằng: Ngươi nên chí thành niệm danh hiệu đức Thanh-tịnh liên-hoa-mục như lai, và tô vẽ hình tượng ngài thì kẻ còn người khuất đều được phúc báo cả. Bà nghe đoạn liền bán hết các vật quý báu, tô vẽ tượng Phật mà cúng dâng, mà chiêm lễ, khước lóc kêu cầu cho mẹ. Đến đêm thì thấy Phật bảo rằng: Không bao lâu nữa thì mẹ ngươi sẽ sinh vào nhà ngươi, vừa lọt lòng ra đã biết nói ngay đó. Ít lâu con ở nhà bà sinh một đứa con, chưa đầy ba ngày đã khóc suốt mười mà bảo bà rằng: Nghiệp-duyên sinh-lử, quả báo tự mình phải chịu, ta là mẹ con đây, bấy lâu bị giam cầm chốn tối tăm, từ khi biệt con, dọa mãi trong ngục lớn, nay nhờ phúc lực của con, được lên làm người, bị sinh vào kẻ hèn hạ mà lại chết non, chỉ mười ba tuổi, lại

đọa vào đường ác, con có cách gì, giải thoát cho mẹ mấy ?! Bà nghe đoạn biết đích là mẹ liền kêu gào khóc lóc bạch lên trên không rằng : « Nguyên cho mẹ con, thoát hẳn địa ngục, hết hạn mười ba, không mắc tội nặng và đọa xuống đường ác nữa, Mười phương chư Phật, rủ lòng thương con, cho con vì mẹ con phát lời thề nguyện lớn rằng : Nếu mẹ con thoát hẳn ba đường, và thân hèn này, cho chỉ vĩnh kiếp không phải làm thân con gái, con xin nguyện trước tượng đức Thanh-tịnh liên-hoa mục như lai rằng, từ nay trở về sau trăm nghìn muôn ức kiếp, còn có thể giới nào, có các chúng sinh tội khổ trong địa ngục và ba đường ác, con thề cứu vớt, khiến cho thoát khỏi địa ngục ngã quý súc sinh, bao giờ những kẻ tội báo như thế được thành Phật hết, thì con mới thành Phật ». Bà phát thệ xong, liền nghe thấy đức Thanh-tịnh liên-hoa-mục như-lai bảo rằng : « Quang-mục ơi ! người thực là người có lòng từ-mẫn lớn, người hay vì mẹ phát điều nguyện lớn như thế thì mẹ người hết hạn 13 sẽ được sinh vào kiếp thày tu rồi cũng tu thành Phật nữa ».

Xem như hai kiếp tu hành của ngài Địa-tạng bồ tát tới kể trên đó, thì ta có thể cùng hiểu một cách quả quyết rằng ngài Địa-tạng là bậc đã làm được trọn cái đạo chí nhân chí-hiểu, nên ngài cứu được mẹ khỏi nơi ngục tù, lại cứu cho chúng sinh muôn đời ngàn kiếp về sau này. Vậy thì ta nay muốn báo hiếu cho bề trên, muốn siêu độ cho kẻ dưới, cũng phải gắng sức mà theo cái gương nhân hiếu ấy mới về thành công đức của ta được vậy.

Nam mô U-minh giáo chủ Địa-tạng vương bồ-tát.

THIỆU-CHỮU

PHẬT - LUẬT - HỌC

(liếp theo)

Phật đã chỉ bảo cái chỗ nguyên nhân sinh ra các điều dữ, vua Đẽ-thích lại hỏi luôn cách trừ diệt cho hết tung tích, Phật bảo :

Điều hỷ hữu tam : khẩu, tướng, câu dā; bỉ khẩu sở ngôn tự hại hại tha, diệc nhị câu hại, sả thử ngôn dĩ như kỹ sở ngôn, bất tự hại hại tha, bất nhị câu hại, tri thời chi nhân như khẩu sở ngôn chuyên niệm bất loạn, tướng, câu diệc nhĩ. Hựu vấn : tề kỹ hỷ danh hiền thánh xả tâm ? Phật cáo : sả tâm hữu tam : hỷ thân, ru thân, sả thân, bỉ hỷ thân giả tự hại hại tha, diệc nhị câu hại, sả thử hỷ dĩ như kỹ sở hỷ bất tự hại hại tha bất nhị câu hại, tri thời chi nhân chuyên niệm bất vong, tức danh thụ cụ túc giới, ru, sả diệc nhĩ. Hựu vấn : tề kỹ hỷ danh hiền thánh luật chư căn cụ túc ? Phật cáo : nhơn tri sắc ngã thuyết hữu nhị khả thân bất khả thân, nhĩ thanh tị hương, thiệt vị thân súc, ý pháp diệc nhĩ.

Chợt nhả có ba thứ : là miệng nói, tư tưởng và tìm tòi, như một người kia miệng nói những điều chợt nhả, thì hại mình lại hại người, cả đôi cùng hại, nếu bỏ nhời chợt nhả ấy đi mà nói toàn nhời như-pháp, thì sẽ chẳng có hại mình hại người cả đôi đều không hại, người biết thời độ ra, giữ nhời nói cho đúng chuyện, mỗi nghĩ chẳng rối loạn, tư tưởng và tìm tòi sự tinh cũng vậy. Lại hỏi : thế nào gọi là hiền thánh sả tâm ? Phật bảo : sả tâm cũng có ba thứ : là vui thân, lo thân và bỏ thân, như một người kia vui cái thân mình dễ hại mình lại hại người cả đôi cùng hại, vậy bỏ cái lối vui ấy đi mà vui cho như-pháp, thì sẽ chẳng có hại mình hại người cả đôi đều không hại, người biết thời độ ra, hàng chuyên mỗi nghĩ không lúc nào quên, liền mới gọi là thụ Giới-cụ-túc, lo thân, bỏ thân sự

thê cũng vậy. Lại hỏi : thê nào gọi là luật Hiền Thánh mọi căn trọn đủ ? Phật bảo : mắt coi thấy sắc, chỗ coi có hai thứ, là đáng thân mắt và chẳng đáng thân mắt. tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân chạm vật, ý hiểu pháp cũng đều có hai thứ như thê cả.

Hằng ngày tâm dừng, tán loạn nghĩ đến sự sáng, mỗi khi có nói có tưởng có cầu sự gì thấy đều là chính đáng lợi ích, thê là diệt hết được mỗi chớt nhỏ. Song chớt nhỏ tuy đã đẹp, nhưng sợ lại còn nhầm vì cái thân mà cái tâm sử chưa sắc thực, nên phải biết ba điều, là sự gì có đáng vui cho thân mình thì hãy vui chứ đừng vui nhảm, hay đáng lo hãy lo, đáng sợ thân hãy sợ, thì không có hại, mà lúc nào cũng nhớ luôn như thê, tức là bỏ hết được cái vọng tâm, mà giới luật mới được trọn đủ vậy. Như trên hai phép là toàn nói về hộ tâm, nhưng tâm tuy hộ mà sự cử động của thân không phân biệt được cảnh tướng hay giờ, thì vẫn chưa được rốt ráo, vậy phải nhận biết rằng trong sáu căn đối với sáu trần mỗi thứ đều có hai lẽ phải, trái, nên thân, nên sơ, như mắt ngó sắc, nếu khởi can rõ thì điều ấy trái, phải nên sơ, bằng khởi tốt lành là điều ấy phải phải nên thân, năm thứ kia tương đối với nhau cũng như vậy, như thê gọi là hiền thánh luật mọi căn tốt lành trọn đủ vậy. Vua Đế-Thích từ lúc bắt đầu hỏi phép diệt điều dữ, đến đây điều dữ đã phòng chỉ, tức điều lành theo liền hiện ra, mới hoàn toàn được giới-luật của Hiền Thánh.

Như trên mấy đoạn đủ khiến cho ta nhận được những điều lợi hại, làm dữ bị hại như thê mà giữ giới luật thì lợi ích lớn như thê, là ta có thê phát khởi được lòng tin, tin rằng giới-luật của đạo Phật thực là một môn thuốc hay tuyệt trần đề cứu bệnh

tính nguy hiểm cho ta được, lòng tin là lòng thứ nhất bắt đầu vào đạo, dù làm việc gì không có lòng tin cũng không làm nổi, vì thế trước khi nhập đạo tu hành phải dùng lòng tin cho bền vững, tin chắc việc đó là một việc hay, cả quyết làm cho đến kỳ được kết quả.

Một hôm Phật đến một cái làng gọi là làng Câu-ly cùng các đệ tử thuyết pháp, hiểu nghĩa lòng tin cũng ví như một cái gương để soi thấy mọi pháp Đệ-tử hỏi : tin những điều gì là cốt yếu ? Phật bảo :

Thánh đệ tử đắc bất hoại tín, hoan hỷ tín Phật. Như lai vô sở trước, đẳng chính giác, thập hiệu cụ túc, hoan hỷ tín pháp chân chính vi diệu tự tứ sở thuyết, vô hữu thời tiết, thị nạt bản đạo Trí giả sở hành, hoan hỷ tín Tăng thiện cộng hòa đồng, sở hành chất trực, vô hữu du siểm, đạo quả thành tựu, thượng hạ hòa thuận, pháp thân cụ túc, tứ quả tứ hướng, thế chi phúc điền, hoan hỷ tín Hiền Thánh giới, thanh tịnh vô uế, vô hữu khuyết lậu, minh triết sở hành hoạch tam muội định

Các đệ-tử quý báu của Phật nhân được lòng tin bất hoại, vui vẻ tin Phật, chính là ngôi Như-lai, ngôi Vô-sở-trước, ngôi Đẳng-chính-giác, mười hiệu đều trọn đủ, vui vẻ tin pháp, là chân chính mẫu nhiệm, tha hồ mà nói, không cứ thời tiết nào, mà tỏ bảo cho đạo Niết-bàn, học giả đều theo làm, vui vẻ tin Tăng, khéo cùng hòa hợp ở chung, mà làm điều ngay thẳng, không có nịnh hót, đạo quả nên lớn, trên dưới thuận hòa, pháp thân trọn đủ, chứng bốn ngôi quả bốn ngôi hướng, làm ruộng phúc cho đời, vui vẻ tin Hiền Thánh giới, thực trong sạch không có nhơ, không hề rò sót, bậc minh triết theo làm đều được phép định Tam-muội.

Nói một điều tin pháp cũng đã có đủ cả giới-luật ở trong đó rồi, vì giới-luật cũng là phương pháp tỏ bảo đến Niết-bán, thế mà lại còn nói riêng thêm một điều thứ tư nữa, là có ý tỏ ra cho rõ cái gốc nhân tu, đã lớn các ngôi kia là quý báu vậy thì cái quý báu ấy từ đâu mà được, tất nhiên là từ Hiền Thánh giới, nhân giới được định, nhân định được đạo mà chứng lên các ngôi Tứ-buương Tứ-quả và ngôi Phật vậy. Và trước hiểu tin quả, sau lại hiểu tin nhân, là khiến cho ta càng thêm tin chắc giới-luật là nhân-chính đó. Từ đây giới lên thuộc về phần tựa

(còn nữa)

Tri Quang

Hiền trạng Phật-giáo xứ ta

(Tiếp theo)

Coi vậy đủ biết, có trải qua bốn thời-kỳ nói trên đó, mới được hoàn-toàn xưng là người hiểu rõ Phật-pháp, song bốn thời-kỳ ấy rất quan-hệ mật-thiết với nhau, không có thể thiếu một thời-kỳ nào được. Có học đạo rồi mới kiến-đạo, có kiến-đạo rồi mới tu-đạo, có tu đạo rồi mới chứng-đạo, có chứng-đạo rồi mới được giác-ngộ tự-tại giải-thoát. Cũng ví như một người muốn đi du-lịch thế-giới, thời trước hết phải tìm địa-đồ; và những người đã đi rồi như họ chỉ vẽ cho, mới biết được rõ ràng, thì cứ nương theo đó mà đi đến nơi về đến chốn; khi ấy không còn lo ngại gì hết. Khi tìm địa-đồ và người đó, cũng như người học đạo, khi biết địa-chỉ đó, cũng như người thấy đạo-lý. Khi đi đó cũng như người tu theo đạo. Khi được đến nơi, về đến chốn đó, cũng như người chứng-đạo.

Xem như người đi đường giữa thế-gian cũng còn tìm người học hỏi. Huống nữa, là tăng-đồ và tín-đồ tu theo đạo Phật, là đi đường xuất thế-gian (1), lại

(1) Chỗ tu hành theo Phật-pháp.

không chịu tìm thầy chọn chánh học hỏi chỗ tu trì, thì làm sao biết được.

Ngày xưa đức Phật Thích-ca mâu-ni, khi gần nhập Niết-bàn (1), ngài dặn bảo tứ-chúng (2) rằng : « Các người muốn giải thoát sanh tử, chúng quả bề-dề, thời phải lấy giới-luật làm thầy ; hễ giới-luật còn, tức là tuệ-mạng của Phật-pháp còn ; giới-luật tiêu-diệt, tức là tuệ-mạng của Phật-pháp tiêu-diệt ».

Nói đến đó, ai là người làm sứ-mạng (3) của Như-lai mà không rung mình. rợn óc ư ?

Nói tóm lại, người tu theo đạo Phật, dù bốn thời-kỳ học-đạo, kiến-đạo, tu-đạo, chứng-đạo, thời mới thật là một người tu học theo Phật-pháp. Còn nếu trái lại, không đủ bốn thời-kỳ trên đó, thời đầu cho anh-tài lỗi-lạc, danh-vị đến đâu ; đầu cho tô-điêm ở nơi hình-thức-tráng-lệ cho mấy đi nữa, đối với Phật-pháp cũng chỉ có cái giả danh không thật đó thôi. Đã giả-danh, tức là người hoại-diệt Phật-pháp, chớ không phải người duy trì hoặc là hộ trì Phật-pháp.

QUYẾT LÀM THÌ ĐƯỢC

Tất cả chúng-sanh đều đủ đức-tướng trí-tuệ Như-lai, đều có thể thành Phật, nhưng, vì không theo phương-pháp chọn chánh mà tu-hành, nên đời đời sa-mê vào các pháp của tà ma ngoại-đạo, không có khi nào được tự-tại giải-thoát.

Đức Phật Thích-ca mâu-ni là một người đã giác-ngộ viên-mãn. Lại trông thấy chúng-sanh kiếp kiếp ở trong đường lao-lung khổ-não, nên xuất hiện ra đời, ngài muốn cho chúng-sanh đều giác-ngộ như Ngài, nên từ khi thành-đạo, đến lúc vào Niết-bàn, nói pháp giáo-hóa chúng-sanh

(1) Khi đã an-trú ở nơi pháp-thân thanh-tịnh.

(2) 1 Tỷ-kheo, 2 Tỷ-kheo-Ni, 3 Ưu-bà-tắc, 4 Ưu-bà-gi.

(3) Tức là người thay thế cho Phật, giáo-hóa chúng-sanh.

không khi nào trễ nãi. Ngài nói đủ tam-tạng kinh-giáo, đề cho chúng-sanh-nương theo đó mà tu-hành, thời sẽ được an-lạc giải-thoát.

Vậy ngày nay người tu theo Phật-giáo, cần phải thật-hành theo phương-pháp của Phật dạy, mới mong có ngày chuyển mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc (1). Vì có chuyển mê thì mới được ly khổ, có khai ngộ mới được đắc-lạc; nên chuyển mê là nhơn, khai ngộ là quả. Hễ chuyển được các nhơn mê thời mới có quả ngộ. Như chuyển nhơn vô-minh (2) thời đặng quả viên-minh (3). Như chuyển được nhơn tham, sân, si, (4), tức thời đặng quả từ, bi, hỷ, xả (5). Như chuyển các nhơn ngã-tướng, nhơn-tướng, chúng-sanh-tướng, thọ-giả-tướng (6), thời được các quả vô-ngã, vô-nhơn, vô-chúng-sanh, vô-thọ-giả. Như chuyển các nhơn vô-thường, vô-lạc, vô-ngã, vô-tịnh (7), tức thời đặng các quả thường, lạc, ngã, tịnh; cho đến chuyển vô-lượng vô-biên ác nhân, thời được cái quả vô lượng vô-biên công-đức. Cho nên Phật nói: « Nhơn nào quả ấy, mảy mọn không sai là vậy ».

Nếu chuyển được các nhơn mê thì mới được khai-

(1) Người tu-hành sửa đổi chỗ mê lầm, có ngày trở thành giác-ngộ như Phật, cũng như người đi học, có ngày đổi cái ngu-dốt, thành thông-minh

(2) Không rõ cái chơn-tướng của vạn sự vạn vật.

(3) Thấu suốt nguồn gốc của vạn sự vạn vật.

(4) Các cái tâm đó là cái gốc sanh tử.

(5) Các cái tâm đó là cái nhơn Niết-bàn.

(6) Cái thân ngũ-âm, bản lai không có bốn tướng đó, nếu nhận rõ như vậy, tức là thành Phật. Trái lại làm chúng-sanh.

(7) Nhận rõ được bốn tướng đó, tức là đặng tự-tại giải-thoát.

ngộ ; có khai-ngộ rồi mới được ly-khổ ; có ly-khổ rồi mới được đặc-lạc. Xem như Phật vì đã chuyển được các nhơn mê, mới được thành Phật, đối với cảnh tự-tại giải-thoát ; chúng ta vì không chuyển được các nhơn mê, nên mới làm chúng-sanh ràng buộc muôn đời khổ-sở. Cho nên Phật nói rằng : « Phật ngộ là ngộ cái mê của chúng-sanh, còn chúng-sanh mê là mê cái ngộ của Phật »

Xem đó đủ biết người tu theo đạo Phật, nếu chuyển được các nhơn mê cho hoàn-toàn tức là thành Phật được, an-lạc tự tại ; còn không chuyển đặng các nhơn mê, tức là làm chúng-sanh đầy-đọa khổ-não.

Có người nói : sao nghe trong kinh dạy rằng : « Hết thầy chúng-sanh, đồng một bản-thề chơn-tâm thường-trú như Phật. Cứ sao Phật thành Phật được, còn chúng-sanh sao không thấy ai thành Phật ».

Vấn biết tâm tánh chúng - sanh đồng như Phật, vì chỗ làm khác nhau xa lắm, vậy nên không sao thành Phật được Phật thì xa lìa ngũ-dục (1), lo tìm đạo chơn chính giải-thoát mà tu-hành. Còn chúng-sanh thì cứ đắm đuối trong vòng ngũ-dục, bảo sao kết quả như Phật được ? Vì như hai người, trồng một đám đất, mà một người lo bón sỏi đầm đất, nên trồng cây gì thì tốt cây ấy ; còn một người cứ bỏ hoang, nên trồng cây phải cần-cối.

Xem đó đủ biết vì chỗ làm của hai người khác nhau, nên chỗ hưởng-thọ không đồng nhau, chứ không chi khác. Đám đất đó, cũng như Phật với chúng-sanh, vẫn đồng một bản-nguyên tâm-dịa với Phật, còn hai người đó tức là chỗ làm của Phật với chúng-sanh khác nhau vậy.

Cho nên người tu học theo đạo Phật, cần phải xa lìa nơi ngũ-dục, tu hành theo Phật-pháp mới được giác-ngộ giải-thoát. Muốn xa lìa nơi ngũ-dục phải làm thế nào mà

(1) 1. Tài, 2. sắc, 3. danh, 4. ân, 5. ngũ.

xa lia được ? Tức là trước hết diệt trừ cái tâm tham dục vô-yếm. Muốn diệt trừ cái tâm ấy, cần phải tu theo các pháp quán-như-huyễn.

Sao gọi là quán-như-huyễn ? Tức là quán-nghiệm xuy-xét thật tướng của vạn vật, từ thân-tâm của mình cho đến vạn sự vạn vật, đều là như huyễn, không thật đó. Vì vạn sự vạn vật đều do nhân-duyên tứ-đại (2) tạo-thành, chớ không thật có. Ví như nhà Huyền - sư chú thuật ra món món hình người, hình vật, mới thấy chạy lảng xăng đó rồi liền biến mất, không thật có.

Cho nên Phật dạy : « Nhất thể chư pháp giai như huyễn, vô hữu tự tánh, duyên tụ vi sanh, duyên tán vi diệt ». Nghĩa là tất cả các pháp đều như huyễn - thuật, không có tự tánh, khi nhân-duyên hòa hợp là có danh, khi nhân-duyên tan rã là tiêu-diệt. Vì vậy nên thường thấy vạn sự vạn vật, mới thấy đó rồi liền không đó, mới sống đó rồi liền chết đó, mới cười đó rồi liền khóc đó, mới thương nhau đó rồi liền ghét nhau đó, mới tụ hợp đó rồi liền tan rã đó, như bóng theo gương, như trăng dưới nước, có mà không thật có !

Phật lại dạy rằng : « Nhất thể hữu vi pháp, như mộng huyễn bảo ảnh, như lộ diệt như điện, ưng tác như thị quán ». Nghĩa là tất cả các pháp có hình tượng, đều như chiêm bao, như bọt nước, như huyễn thuật, như bóng trong gương, như sương mù, như chớp điện, phải thường theo các pháp quán như thế và tiêu các tâm niệm chấp ngã nơi mình.

Người tu - hành ở trong khi muốn xa lia ngũ - dục, thường phải y như các pháp quán của Phật nói trên mà quán sát suy nghiệm. Có xét tỏ cái lý các thể tánh của vạn sự vạn vật, đều như huyễn thời mới thấy chơn lý của vũ-trụ vậy.

(2) 1. Đất, 2. nước, 3. lửa, 4. gió.

Đến khi ấy thời không còn chấp trước, tâm không còn tham cầu như trước, nên ở nơi ngũ dục, tâm bất-động tức là tu hạnh bố-thí; không làm các việc dữ, tức là tu hạnh tri-giới; không có tâm cống²-cao ngã-mạn, tức là tu hạnh nhân-nhục; không khi nào trẽ nải, tức là tu hạnh tinh-tiến; không còn vọng-động theo giả-danh, tức là tu hạnh thuyên-định; rõ thấu được lý-như-huyễn của vũ-trụ, không còn si mê chấp trước ở nơi thân tâm cảnh vật, tức là tu hạnh tri-tuệ

Nếu cứ tâm tâm niệm niệm làm như trên đó, đến khi được hoàn toàn, tức là không có cái tâm tham giục như trước nữa. Khi ấy không dọi cầu xa lìa mà các cái mê lầm nó tự xa, cũng như người ngồi coi chiếu ảnh, biết sự vật trên màn ảnh là huyễn hóa, thì không bị cái huyễn-hóa ấy làm rung động được tâm mình mà phải sinh ra vui, buồn, cười, khóc, ...! Khi ấy tâm đối với ngũ giục không còn vọng-động nữa, tức là tâm được an nhiên thanh-tịnh, khi tâm đã an nhiên thanh-tịnh rồi, thì lo gì không minh-tâm kiến-tính, lo gì tham, sân, si, không chuyển thành giới định, tuệ; đến khi đó sinh-tử tức là Niết-bàn (1), ở nơi vô-lượng trần lao phiền não tức là vạn hạnh, vạn đức, ở nơi Sa-bà tức là Tịnh-độ (2).

Nói tóm lại, người tu theo đạo Phật, thường ngày phải quán sát cái tướng của vạn sự vạn vật, đều là như huyễn không thật có, rồi lo nhứt tâm niệm Phật, tu theo các đức tính như trên đã nói thì mới diệt trừ được các tâm tham cầu, xa lìa nơi ngũ-giục, và mới mong chuyển mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc được. Còn trái lại, ở trong Phật pháp, không làm như vậy, thì dầu cho kiếp này qua đời nọ, cho đến khi đức Di-lặc ra đời cũng cứ lui tới ra vào ở nơi lỗ khâu (3).

(1) Tâm không còn một cái gì làm chướng ngại.

(2) Thường đối ở nơi cảnh vọng động, mà tâm vẫn thường thanh tịnh

(3) Tức là chỗ sống chết của tất cả chúng-sanh.

Phật là người nào ư? Ta là người nào ư? mà Phật lại thành Phật, ta há lại không thành Phật được hay sao? Chẳng qua là tại người không chịu làm đó thôi, cho nên « Quyết làm thì được ».

HẠI MINH TỨC LÀ HẠI NGƯỜI

Ở đời một người làm đều hay mà cũng lợi ích cho người khác; một người làm đều giữ cũng có thể làm hại cho người khác được. Như ông Giáo-sư có đức hạnh hoàn toàn, thời học trò có thể nhờ cái gương đó mà sửa đổi; tập thành tính nết hiền lành Còn ông giáo-sư có tánh phóng dăng, học trò cũng có thể vì cái gương ấy mà tập thành tánh xấu.

Đức Phật Thích Ca Mâu-Ni là một bậc Đại-giác Đại-ngộ, lòng từ-bi rộng lớn, muốn cho tất cả chúng-sinh đều được an lạc như mình, nên ngài dạy người nào, muốn tu theo đạo Phật, cần phải trước lo tu tập làm đều lợi ích cho mình, rồi đem đều lợi ích đó chỉ bày cho người làm theo như mình, trước phải lo tu học cho giác-ngộ, vậy nên trong các kinh Phật có dạy Phật đã từng tu thanh văn thừa nhiều đời, nhiều kiếp đến nay mới thành chánh-giác. Nay mới đem chỗ giác ngộ ấy mà giác ngộ cho người được như mình Ý ngài sợ người tu hành chỗ tự giác chưa hoàn toàn mà ra giu đất chúng sanh, làm cho chúng-sanh phải sa vào lưới tà-kiến (1) tất nhiên không sao được tự tại giải-thoát. Mà không phải sợ chi cho một người ấy thôi, lại sợ cho cả người giu đất ấy nữa, hai bên đều bị sa đọa lầm lạc, tổn hại như nhau. Cho nên Phật nói rằng: « Tiên tự lợi, nhiên hậu lợi tha; tiên tự giác, nhiên hậu giác tha ». Nghĩa là trước phải có lợi phần mình, sau mới

(1) Cái chỗ chấp không đúng với chơn-lý: việc có chấp không v.v.

có lợi cho người; trước lo tự giác-ngộ phần mình, sau mới giác ngộ cho người.

Người tu theo đạo Phật coi đó đủ biết, nếu trước không lo tự lợi cho mình, không lo tự giác-ngộ cho mình, tức là hại cho người. Đã hại người tất nhiên hại cả mình nữa. Vì vậy nên gọi hại mình tức là hại người. Ví như anh quáng giắt người mù, cả hai người đều bị tổn hại như nhau.

Thế mà người theo đạo Phật ngày nay không lo sợ chỗ của Phật dạy đó mà phát tâm tinh-tiến tu-hành để lợi ích cho mình cùng người, sau khi giác-ngộ cho mình, rồi mới có thể giác-ngộ cho chúng-sanh được.

Có người nói: Tôi cũng muốn thật hành theo Phật-pháp, nhưng sợ người đời nay họ cười, cho mình là một người trước danh, trước tướng, giả bộ tu-hành, nên gặp sao hay vậy cho qua lẩn. — Người nói vậy sao không biết nghĩ, mục-dịch của người tu Đại-thừa Phật-giáo là cốt tu cho đến được chỗ vô-công dụng-đạo (1) không còn tướng tu, tướng chứng, tướng đắc, tướng tri (2) mới được hoàn-toàn. Xem như hàng nhị thừa, đã diệt-trừ kiến-hoặc (3) tư hoặc (4). Phật còn ví như người cùug tử (5) trừ phần thay. Huống chi nay mình rõ ràng là phạm-phu chay, nào là vô-minh nghiệp-lực chi phối, nào là sanh lão bệnh tử ràng buộc, nào là thất-tinh (6) ngũ-dục sai khiến, nào là vô-lượng vô-biên khổ não, thường ép ngạt hai

(1) Khi đã hoàn-toàn không còn dụng công tu-hành nữa.

(2) Khi đã hiệp với thể chơn-như không còn thấy một tướng nào khả định.

(3) Chỗ thấy không đúng với thật tướng của các pháp.

(4) Chỗ suy-nghĩ không đúng với chơn-lý.

(5) Như người nghèo khổ không có phước-đức tri-tuệ.

(6) 1. Vui, 2. mừng, 3. thương, 4. ghét, 5. chê, 6. khen, 7. lợi.

bên lưng, không có khi nào được tự-chủ cả, thế mà người tu theo đạo Phật không lo tu-hành cho được giải thoát, nên Phật thường dạy : « Chúng-sinh khổ mà không biết khổ, cứ nhận khổ làm vui, như loài trùng ở trong phân, không biết giơ là gì phải làm. Chúng ta sợ họ cười, sao bằng sợ sai lời Phật ? sợ khổ gặp được Phật-pháp ? Nay mình thử nghĩ coi, nếu sinh ra rồi bị sinh vào các nhà tà-ma ngoại-đạo, thời mong gì gặp Phật-pháp ? hay sanh vào thế-giới tối tăm như trên núi, dưới biển, một đời không hề được nghe một câu kinh, một tiếng Phật, thời mong gì gặp được chánh-pháp. Dầu sanh ra làm người mà vì nghiệp quả dui điếc cảm ngọng, thời mong gì học Phật-pháp được, hay rồi bị đọa vào trong các loài ngạ quỷ súc-sinh, thời mong gì tu học chánh-pháp của Phật. Xem đó đủ biết Phật-pháp khó gặp biết bao ! Nay mình đang làm thân người, lại gặp Phật-pháp mà đành u ơ cho qua đời được ư ? Có khác nào như người nghèo khổ gặp được núi vàng, há để vơ không hay sao ? mà nỡ ăn không ngồi rồi ở trong nhà Phật, gây vô lượng nghiệp thọ của tín thí càng nhiều chừng nào sau càng sẽ bị làm thân trâu ngựa mà đền trả cho những kẻ ấy. Trong kinh có hai câu kệ : « Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tạo ngộ ». Nghĩa là pháp của Phật cao siêu huyền diệu, chúng sinh trăm kiếp ngàn đời khó gặp được. Vậy thì người tu theo đạo Phật, phải nên mau mau phát tâm tinh tấn tu hành, đang trước lợi - ích phần mình, sau mới có lợi-ích cho người được.

Trước hết mình phải làm y theo Phật-pháp, rồi mới khiến người làm theo như mình được, mình có phát-tâm bồ-đề (1) tu học Phật-pháp, dứt trừ cái tâm tham, sân, si, cống-cao ngã-mạn, vậy sau mới khiến người làm theo như mình được. Mình có phát-tâm bồ-đề tu các hạnh

(1) Tức là cái tâm làm lợi ích cho mình và chúng sinh.

như là nhơn-thừa, thiên-thừa, thanh-văn thừa, duyên-giác thừa, bồ-tát thừa, vậy sau mới khiến người làm theo như mình. Mình có phát tâm bồ-đề đoạn trừ tất cả các việc giữ, làm theo các điều lành, vậy sau mới khiến người làm theo như mình. Cũng như con đường mình có đi đến nơi đến chốn rồi, vậy sau mới giắt người đến như mình được.

Nói tóm lại, người tu theo đạo Phật, nếu không thực-hành cái mục-dịch tự lợi rồi mới lợi-tha, tự-giác rồi mới giác-tha, tức là mình tự đối mình, mình đã đối mình tức là phải hại đến người. Đến khi giắt làm người, hại đến người rồi, tức là không phải một người tu theo mục-dịch của Phật nữa. Không phải tu theo cái mục-dịch của Phật, thời không thể nào gọi là đệ-tử của Phật được.

(còn nữa)

Thích-Chánh-Tri . Huê

VẾT LUẬN - HỒI

(Tiếp theo)

Tuy vậy mà vợ chồng vẫn thì thầm lo ngại, chồng bảo vợ rằng: « Bây giờ họ đến cố đòi số vàng cho kỳ được, mà ta không giả tất không xong, bởi có sự cụ bảo đảm, Âu là lệu giả thì giả ngay cho khỏi liên lụy đến người, Bạch-thị ghé vào tai chồng mà nghĩ đến ngấu rằng: « chàng xuân ý quá thật! nếu họ đòi thật, thì mặc tôi tự xử sẽ tìm cách hành động như thế này thế này... » chồng cười rồi gật lấy gật nhẹ mà rằng: « đã vậy nhưng còn sự cụ thì làm thế nào cho tiện? » vợ: « sự cụ à? sự cụ cũng vậy! » Chồng: « Ấy chết! người ta làm ơn cho vợ chồng mình mới có cái quang cảnh ngày nay, ơn Bồ-thí chưa giả được xong, lại chực giả oán thầy tu, thì giới nào chúng? » Vợ: không nghe thì thôi, rồi được rửa cửa mãi đục hết kiếp khó gì! Chu toàn chép

miệng thở rài kết cục phải theo ý vợ, hèn giả vờ hơn hở ra buồng khách tiếp kiến Riệu-không và Quang-dụ một cách ân cần, mà sự cụ bác lái rầu vô tình lại lòng ngay giả thực cả. Vợ chồng Chu-toàn chấp tay thỏ thẻ rằng : « A-di-đà Phật ! em bần ăn-sư đưa ngài Quang-dụ sang tới, muốn lấy lại số vàng trước chứ ư ? xin vâng, chúng con đã lo liệu sẵn cả rồi ». Nói đoạn đem vàng ra giao giả. Quang-dụ hơn hở vui mừng đếm không thiếu một đồng nào. Sự cụ thấy thế cũng cùng khen vợ chồng Chu-toàn là người có đạo hạnh. Tưởng cũng tấm lòng từ thiện nên Quang-dụ đếm vàng xin biếu lại Chu-toàn mấy lạng gọi là kết nghĩa, tương thân lấy nơi đi lại. Nhưng vợ chồng Chu-toàn vui cười mà từ chối, nói rằng : « Thưa quý ông, chúng tôi được cảnh khá đây, cũng vì ở số vàng của ông đã sinh sôi ra, được thế là may lắm rồi, là ơn ông lắm rồi, còn nguyên vốn xin giao giả tôn ông cho xứng chữ « vật hoàn cổ chủ » mới phải. Quang-dụ nghe nói càng sinh lòng quý hóa, khen lấy khen để rồi gói vàng cáo từ xin về. Vợ chồng Chu-toàn với ân cần nói rằng : « Thôi ngàn giầu song phủ, lúc tối tâm này cướp bóc thiếu đâu, mà qui ngài thế độc thân cô, lại lệ khệ lắm vàng trong túi, lỡ ra lúc đó rồi sao ? chi bằng mời ông ở lại với vợ chồng tôi, cho đến sáng mai tôi xin kiếm đủ người để bảo hiểm lúc lên đường, chứ việc gì mà với vã ? ». Mấy nhời bùi tai vui giả, sự cụ và bác lái như đã siêu lòng, rồi thì canh đã quá khuya, tan cuộc rượu sặc hơi men, mỗi vị khách nằm một nơi, ngủ tít cung thang, biết đâu là chước ma kế quỷ nữa.

6. — Lưỡi dao oan nghiệt với người lành

Nào là hiệu lệnh đầu vào đấy, lúc này Chu-toàn cầm giao như gần ngại, vì vợ ởp bách mà phải ra tay, hở giờ giao lên, chớp lại đánh lòn, Chu-

toàn càng lưỡng cốong, vợ lại hầy tay. Chu-toàn cố nghĩn rằng hạ thủ. Bả: hàng rầu dấy dua với tiếng kêu. Sư cụ Riệu-không nằn buồn hên cạnh nghe động giạt mình, lên ra cửa ngó xem, thì chao ôi! hứ hồn, lại không lối trốn, phải nén lòng vào nằm, rồi làm ra bộ ngủ say, đoạn rồi vợ chồng Chu-toàn lách cửa vào chỗ sư cụ, gọi sư cụ giấy mà nói mấy nhời nhân nghĩa giá trá rằng: « mô phật! bạch ân sư! bởi duyên hồ đễ mà chúng tôi được thân gần nhờ phúc ân sư, có cửa lại có 2 con giai, giám đầu bồi bạc, song vì cơ duyên thẳng thúc, việc phải tình xong, vậy mời ân-sư ra cả nhà ngoài cho chúng tôi tiễn chân ân sư cùng sang miêa cực lạc ».

Sư cụ già lật đặt miệng niệm Phật tay lần tràng; ngoảnh lại sau lưng thì lại thấy 4 thẳng chực sẵn. Chúng lối tuốt sư cụ hầy vào vũng máu. Sư cụ chấp tay bảo vợ chồng Chu-toàn rằng :

« Ta ăn ở với vợ chồng người tình không hề độc ác gì, nay nữ đem ân giả oán, nhất định hại ta, thì Giới Phật nào chứng? nếu đưng hại ta thì ta xin đi biệt xa cảnh khác, lại giữ kín tâm hơi, nhược quả quyết giết ta, ôi ta cũng vui lòng theo hồn Quang-dụ, rồi đây chả bao lâu, chỉ 20 năm ta với vợ chồng nhà người lại gặp nhau trong buổi luân-hồi cập báo đó, » Bạch-thị nói : « Vàng, sư Cụ với vợ chồng tôi không có thù oán gì thật, song việc này là lẽ bắt buộc, thôi đưng kể lẽ lối thời nữa ». Nói đoạn dục chồng thẳng tay làm việc. Chu toan làm sự hôn mê, tự nhiên phải diết cả sư Cụ. Việc đã xong ban đêm, Chu-toàn dúi cho bọn còn quyền 100 lạng bảo lối 2 xác chết chôn ở sau vườn cho kín đáo.

7. -- Kể ác thêm giầu, hôn oan còn báo

Được ít lâu nhà Chu-toàn làm ăn cực kỳ hào phú, con giai Chu-toàn là Chu-hự-Minh, học hành lối lạc

khác người, Chu-toàn có hy vọng lớn. Ở vùng ấy có nhà quan Tiến-sĩ triều Minh, nhân có mụn con gái đem gả cho Hựu-Minh để hưởng cảnh phong lưu. Chu-hựu-Minh sau sinh được 2 con thì vợ chồng Chu-toàn đều bị đau mắt mù cả và lại bị bệnh tê liệt sống cũng như chết, lúc đó Hựu-Minh được toàn quyền trông nom việc nhà, tiền nhiều của lắm, tự nhiên sinh du đãng kiêu kỳ. Hựu-minh có một bạn thân nhất là Trang-doãn-Thành, Hựu-Minh lại gả con gái cho Đinh-Lung là con Trang-doãn-Thành cho nên hai nhà thông gia lại càng thân mật.

Từ đó hai nhà bỏ của dựng một cung lầu rất là tráng lệ nhất vùng ấy, để sớm trưa vui thú. Cầu vắn tiệp rượu, cợt gió cười giăng, ai nào sánh kịp, sau có vị quan huyện Ngô-chí-Vinh là bạn cũ đưa thiệp vào chơi, nhưng người gác cổng xua ra mà Chí-Vinh cứ sẵn vào, cho nên người gác cổng phải vào báo cho 2 chủ nhân biết trước đã.

Chu-hựu-Minh cầu nhậu nói với thông-gia rằng : Quan quách gì thẳng cha ấy, học vấn có gì, chẳng qua con một lão sãi đồ, nó có chị gái đẹp, rồi luồn lọt chỗ quyền môn, mà được xuất chính, nhưng nghe đầu khoét dân hết sức mới bị lọt chức quan thì phải. Trong nhà đang ri-râm thì khách đã gõ cửa bước vào, khách chưa kịp chào đã bị chủ nhân kháng cự kịch liệt, hết thể diện khách phải xéo ngay.

Thế là Chu-Trang 2 nhà tha hồ văn chương ngông ngạo, nghiên bút tự do, làm sách xuất-bản, nói xúc phạm đến cả Thanh-triều. Ngô-chí-Vinh bị nhục vẫn định trả thù, vợ pho sách của Chu-Trang liền đem trình quan đầu tỉnh, cho nên việc động đến triều-đình.

Vua hạ lệnh cho vây nã hai người làm sách là Chu và Trang, đồng thời bắt cả bọn 24 người nhà này lại kinh văn tội. Tịch thu hết gia sản, xử trảm sạch lũ cuồng văn loạn bút. Ngô-chí-Vinh được Thanh triều

đề ý đến, hưởng công to. cho phục chức cũ, rồi tặng phong « Tả-thiên ngự-xử » lại được hưởng cả gia tài cơ nghiệp của Chu-Trang, lúc Chí-Vinh lần lục đến tú hòm, lại thấy có bức ảnh sư Cụ Riệu-không và một bức thư ghi tích ngày giết Riệu-không và Quang-rụ mấy năm về trước, bây giờ mới phát lộ ra 2 án này. Người bấy giờ tính ra vừa đúng 20 năm. như nhờ sư Cụ đã bảo khi bị hại.

Ồi ! tham vàng bỏ ngãi, sung sướng chưa được bao lâu mà thân đã làm ma không đầu, cửa nhà tan nát tiếng xấu ngàn thu, đáng sợ thay mà cũng đáng thương thay !

Tri huyện-Tử

Thiện-bảo dịch thuật

LỄ TRUYỀN THỤ QUY-GIỚI TẠI CHÙA LINH-THÔNG TỔNG TỬ-MẶC HUYỆN Ý - YÊN NAM - ĐỊNH

Trước khi vào hội Phật-giáo các thiện-nam tín-nữ tông Tử-mặc, huyện Ý-yên (Nam-dịnh), muốn thành những tại-gia Phật tử chân chính, và hợp với cái danh nghĩa hội viên của hội Phật-giáo, nên ông Trưởng-ban Nguyễn-văn-Trung lên thỉnh cầu ban Đạo-sư và ban Trị-sự hội Phật-giáo Trung-ương về truyền thụ qui-giới cho các tín-đồ Sáng sớm ngày 18 tháng 7 ta (21-8-1940) xe hơi đã đón tại chùa Quán-sứ Hội-quán hội Phật-giáo Trung-ương, ban Đạo-sư về truyền thụ qui-giới có Sư cụ trưởng lão Thanh-Chí, Sa-môn Thái-bồa, ban Trị-sự có cụ hương-lò Vũ-nghĩa-Ký và ông Thủ quỹ Lê-Toại, xe đi đường Hanoi-Phủ-lý rồi rẽ sang con đường sông Đáy Nho-quan, rồi đến đò đáy thời rẽ vào con đường huyện Ý-yên, đi độ 5 cây số đường đất, đúng 9 giờ thời tới chùa, ban thiện-tín rước phái-bộ Trung-ương vào Tam-bảo lễ Phật, rồi ra dâng đường an tọa điểm trà, ông Trưởng-ban đọc chúc từ xong, cụ Vũ-nghĩa-Ký thay mặt hội Trung-ương cảm ơn ban thiện-tín đã biết đem lòng chính tín mà quy hướng về Tam

bảo và hội Phật-giáo Trung-ương nên đã tổ-chức được một đàn quy rất là long trọng, kể đến ông Thủ-quĩ Lê-Toại giảng về mục-dịch của Hội, tiếp đến Sa môn Thái-Hòa giảng về vấn đề vì lẽ gì mà phải thụ tam quy, và đi quy có những lợi ích gì, đúng 11 giờ cụ Trưởng-lão Thanh-Chi làm chủ lễ truyền thụ Tam-quy. Tất cả thiện-tín có chừng 200 người chịu lễ Tam-quy, trong khi quy cụ Trưởng-lão Thanh-Chi đọc chữ hán cho thiện-tín đọc theo rất từ đoạn một, Sa-môn Thái-Hòa lại giảng ra tiếng ta cho thiện-tín nghe một cách rất tinh tường, 12 giờ 15 lễ tam-quy cáo thành phát điệp, phái bộ Trung-ương ra dâng dường thụ ngọc, chùa Linh-thông tuy là một nơi tiêu am chật hẹp, các thiện-tín tuy thuần người chất phác cỡ sơ, nhưng xem ra lòng nhiệt thành phát khởi tự chân tâm, mỗi thiện duyên gây giống từ kiếp trước, nên trong khi chủ tân hội ngộ, có nhiều phần cảm ứng đạo giao. Ban thiện-tín này sau đây sẽ có cơ hy vọng giờ nên một chi Hội hoạt-động trường tồn, 2 giờ chiều phái-bộ Trung-ương ra xe về Hanoi.

Sùng Cỗ thuật

THỜI SỰ

TIN THẾ GIỚI

Mặt trận Anh-Đức-Y

Trong tuần này Đức vẫn chưa đỡ bộ sang Anh. Hai bên vẫn dùng máy bay đánh phá lẫn nhau rất dữ dội. Hôm thứ sáu vừa rồi, giữa ban ngày máy bay Đức lại đại tấn công sang Anh nhiều nơi, nhất là ở kinh thành Luân-đôn bị hại nhiều, Bom rơi xuống làm rung động cả kinh thành, một quả bom chùng vào nhà hầm trú ẩn kiểu Anderson làm cho tất cả các người ẩn trong đó chết hết. Kể từ hôm 15-9-40 đến nay, trận đánh ban ngày này là dữ nhất. Trong đêm thứ sáu, máy bay Anh cũng kéo sang đánh phá quân cảng Kiel rất dữ dội luôn trong 5 tiếng đồng hồ.

Về mặt trận Anh-Y cũng chỉ có những trận cho máy bay ném bom vào các nơi quân sự hay quân cảng thôi, chưa đến thời kỳ quyết liệt.

Ba nước Đức-Y-Nhật lại vừa ký một hiệp-ước ngày 28-9-40 thành một khối về cả chính-trị kinh-tế và quân-

sự, Đức-Y vui lòng tôn trọng quyền lập trật tự mới ở Á-châu của Nhật, Nhật vui lòng tôn trọng quyền lập trật tự mới ở Âu-châu. Trong ba nước không có can phạm đến quyền lợi của nhau, mà một nước nào bị một nước khác xâm phạm vào việc chiến tranh đang gây ra thì nước kia phải giúp ngay.

Á CHÂU

Tin Trung-Nhật.— Hai bên vẫn đánh nhau nhiều trận nhỏ, và tàu bay Nhật cũng vẫn đến đánh kinh đô Trùng-khánh của Tàu. Cảnh-phủ Tàu đã ra lệnh phá dỡ cầu Hồ-kiều là cái cầu nối liền đất Tàu với Đông-dương.

TIN TRONG NƯỚC

Tuần này tại Đông-dương đã xảy ra một việc nghiêm trọng lớn là việc quân Nhật ở Quảng-tây đã xung đột với quân Đông-dương ở Hồng-dăng Lạng-son, hai bên cũng đều thiệt hại cả, hiện hai bên đã điều đình với nhau xong, các sự lại yên ổn.

Tại Haiphong quân Nhật đã đổ bộ vào Haiphong hành động theo đúng hiệp ước của hai bên đã ký kết với nhau bằng một cách êm dềm. Sáng hôm 26-9-40 trước khi quân Nhật kéo vào, có mấy chiếc máy bay Nhật, bay lượn đi lượn lại trên thành phố Haiphong, có một chiếc ném xuống mấy quả bom nhỏ 25 k, phá hủy mất mấy cái nhà, chết mất 12 người, bị thương 15 người, Nhật đã tỏ ý đáng tiếc về việc xảy ra ấy.

Tại các tỉnh đã cho thả đèn sáng như trước, lệnh đảo hầm hố đã thôi, mọi việc lại bắt đầu trở lại như trước. Trong bản thông cáo của phủ Toàn-quyền hôm kia đăng vào số báo hôm qua, hồi 4 giờ hai vị nguyên-soái Nhật đã từ Haiphong lên Hanoi, thì 4 giờ chiều qua 29-9-40, Thiệu-tướng Nishihara và Nguyên-soái Sujiki và các viên chức trong bộ tham mưu tới thẳng ngay biệt thự ở phố Henri Rivière. Các kiều dân Nhật trước dời đi Haiphong đã trở lại rồi. Những việc trực tiếp giao thiệp từ nay của hai vị nguyên soái với các nhà cầm quyền Pháp có thể giải quyết nhanh chóng và thỏa thuận các vấn đề hiện thời.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên-bản hội-đồng bên Tăng-giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quản-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội-viên trong Hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin đăng phương danh các chư Tăng Ni và thiện tín chi Hội Phật-giáo Phương điểm (Haiduong) cùng góp mỗi vị một đồng lên báo chương để thiện-tín thập phương chứng giám.

Chư Tăng Ni : Đàm-Lịch, Bùi-thị-Minh, Đàm-Mỹ, Đàm-Ất, Đàm-Khai, Đàm-Minh, Đàm-Đinh, Đàm-Niệm, Tâm-Niệm, Đàm-Sự, Thanh-Độ, Đàm-Ngư, Thông-Thái, Đàm-Loan.

M. M. Nguyễn - đình - Giá, Nguyễn-đức-Đản, Hoàng-đinh-Thúc, Tăng-hữu-Sức, Phạm-văn-Tửu, Bùi-văn-Cúc, Nguyễn-văn-Cầu, Bùi-ngọc-Bội, Trần-quốc-Lạp, Đỗ-thế-Quỹ, Tăng-hữu-Áng, Bùi-quang-Chanh, Hồ-thị-Điều, Bùi-quang-Thông, Nguyễn-văn-Uyển, Phạm-đình-Thông, Phạm-đình-Thiếu, Cao-như-Tiền, Nguyễn-văn-Trọng, Nguyễn-thế-Tạo, Nguyễn-văn-Lôi, Nguyễn-tích-Thiệu, Nguyễn-thị-Soạn, Trần-quốc-Trung, Đặng-thị-Hương, Trần-thị-Minh, Vũ-xuân-Kha, Phạm-đình-Ứng, Nguyễn-văn-Phâu, Nguyễn-văn-Bậu.

HỘP - THƠ

Phương danh các vị đợc giả Đ T.

Đã trả tiền báo bằng mandat

M. M. Nguyễn-duy-Xan Nam-dịnh	3\$00
Thân-trọng-Phủ Sông-cầu	3.00
Nguyễn-văn-Chức Hà-tiên	1.50
Nguyễn-văn-Tinh, Long-xuyên	3.00
Lý-Tài, Nba-trang	1.



TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

M. Nguyễn-đức-Phong, hội viên chi Hội Phật-giáo
Bách-lộc (Sơn-tây) tạ thế ngày 30 Juillet 1940.

Mme Nguyễn-thị-Phu, hội viên chi Hội Phật-giáo
Bách-lộc (Sơn-tây) tạ thế ngày 7 Juillet 1940.
